

THƯƠNG VỤ VIỆT NAM TẠI PHILIPPINES

HỒ SƠ

THỊ TRƯỜNG PHILIPPINES

(I)

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NỀN KINH TẾ, SẢN XUẤT,
GIAO THƯƠNG XUẤT NHẬP KHẨU CỦA PHILIPPINES
VÀ TIỀM NĂNG CHO XUẤT KHẨU HÀNG HÓA CỦA
VIỆT NAM VÀO THỊ TRƯỜNG PHILIPPINES

THÁNG 12, NĂM 2024

MỤC LỤC

Trang

Phần 1: Đặc điểm thị trường, thực trạng nền kinh tế, sản xuất hàng hóa của Philippines

- 1.1. Thông tin chung về thị trường Philippines 02
- 1.2. Đặc điểm thị trường, thực trạng nền kinh tế của Philippines 05
- 1.3. Thực trạng một số ngành sản xuất quan trọng của Philippines 09

Phần 2: Cam kết quốc tế và tình hình giao thương xuất nhập khẩu hàng hóa của Philippines

- 2.1. Cam kết quốc tế, tình hình giao thương của Philippines 16
- 2.2. Thị trường và những mặt hàng nhập khẩu chính của Philippines 19
- 2.3. Thị trường và những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Philippines 24

Phần 3. Đánh giá tiềm năng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào thị trường Philippines

- 3.1. Tiềm năng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Philippines 32
- 3.2. Thực trạng, những thuận lợi và những khó khăn thách thức đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Philippines 34
- 3.3. Tiềm năng xuất khẩu của một số nhóm hàng xuất khẩu quan trọng của Việt Nam sang thị trường Philippines 37
- 3.4. Định hướng và giải pháp khai thác thị trường Philippines 38

PHẦN 1

ĐẶC ĐIỂM THỊ TRƯỜNG, THỰC TRẠNG NỀN KINH TẾ, SẢN XUẤT HÀNG HÓA CỦA PHILIPPINES

1.1. Thông tin chung về thị trường Philippines

Năm 1521, Magellan (người Tây ban nha) đã tới quần đảo Philippines và Tây Ban Nha áp đặt chế độ thực dân tại đây cho đến năm 1898. Ngày 12 tháng 6 năm 1898, tướng Emilio Aguinaldo, Tổng thống đầu tiên của Philippines, tuyên bố khai sinh nước Cộng hoà Philippines. Ngày 10 tháng 12 năm 1898, Tây Ban Nha ký Hoà ước nhượng Philippines cho Mỹ, đến năm 1913 Mỹ áp đặt sự thống trị lên toàn bộ Philippines. Tuy nhiên năm 1935, Mỹ phải tuyên bố cho người Philippines hưởng tự trị trong một số lĩnh vực và hứa 10 năm sau sẽ trao trả độc lập. Trong Chiến tranh thế giới II (từ 12/1941-1945), Nhật tiến hành chiến tranh và chiếm đóng Philippines. Năm 1945, Nhật thua trận, Mỹ trở lại Philippines. Ngày 4/7/1946, Mỹ trao trả độc lập cho Philippines. Khi chiến tranh lạnh kết thúc, năm 1992 Mỹ rút quân khỏi căn cứ không quân Clark và căn cứ hải quân Subic ở Philippines.

Philippines tên đầy đủ là Cộng hòa Philippines, theo thể chế cộng hòa, có thủ đô Manila, đứng đầu Nhà nước và Chính phủ là Tổng thống. Philippines có diện tích 300.000 km², khí hậu nhiệt đới nóng ẩm. Bờ biển Philippines dài 23.184 km, với 3/4 diện tích là rừng núi; đồng bằng thấp, nhỏ, hẹp và có nhiều thung lũng xen kẽ các sườn núi. Philippines nằm trong khu vực có nhiều động đất và núi lửa với khoảng 10 núi lửa đang trong thời kỳ hoạt động. Philippines có khí hậu nhiệt đới gió mùa, thường có bão lớn (trung bình 20 cơn bão/năm).

Philippines có quy mô dân số lớn, đến năm 2024 đạt khoảng 115 triệu người, đứng thứ 13 trên thế giới, thứ 7 châu Á, thứ hai trong Asean. GDP hàng năm của Philippines đạt khoảng 400 tỷ USD, GDP bình quân đầu người đạt trên 3.500 USD.

Do phân hóa xã hội nên người tiêu dùng có sự phân hóa dẫn tới nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ đa dạng. Thị trường Philippine không đòi hỏi quá cao, quá khắt khe trong tiêu thụ các loại sản phẩm hàng hóa, dịch vụ. Hơn nữa, Philippine có lượng người đi xuất khẩu lao động nhiều, kiều hối gửi về nước hàng năm cao, trong khi xu hướng tiêu dùng hơn tiết kiệm.

Nhu cầu tiêu dùng trong nước đối với các sản phẩm hàng hóa lớn nhưng phụ thuộc nhiều vào hàng nhập khẩu. Philippine chủ yếu tập trung phát triển dịch vụ, sản xuất trong nước không được chú trọng, còn khá hạn chế. Đặc biệt, trong điều kiện nhu cầu tiêu thụ về hàng hóa trong nước lớn tạo nên áp lực mở cửa thị trường cho các loại hàng hóa nhập khẩu, đặc biệt là thị trường các sản phẩm lương thực.

Philippines khá giàu tài nguyên thiên nhiên trên đất liền và dưới biển, nhiều khoáng sản như vàng, đồng, sắt, crôm, măng-gan, than đá, dầu lửa và khí đốt. Năm

2004, Chính phủ ước tính trữ lượng khoáng sản trong lòng đất có tổng giá trị khoảng từ 800 đến 1000 tỷ USD. Tuy nhiên, hiện nay Philippines mới chỉ có thể khai thác và xuất khẩu khoáng sản khoảng 0,5 tỷ USD/năm.

Philippines chủ yếu vẫn là một nước nông nghiệp và trình độ phát triển còn thấp, GDP đầu người 4,500 USD (2011, xếp hạng 156 toàn cầu). dân số dựa vào nông nghiệp là chủ yếu. Nông nghiệp chiếm 12.3% GDP. Cây trồng chính là lúa, ngô, dừa, mía, chuối, dứa, cà phê, thuốc lá, bông, đay, các loại đậu và cây Abaca để lấy sợi. Trước đây, công nghiệp của Philippines chủ yếu là khai khoáng, gỗ và chế biến thực phẩm. Một số ngành mới nổi lên là điện tử và may mặc xuất khẩu. Philippines buôn bán chủ yếu với Mỹ, Nhật. Nhập khẩu chính của Philippines là: dầu mỏ, than đá, sắt thép, vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc, lương thực, hoá chất Dịch vụ ở Philippines phát triển khá mạnh, chiếm trên 54.4% GDP. Xuất khẩu lao động rất quan trọng, với trên 10 triệu người lao động ở nước ngoài, mỗi năm ước tính gửi về nước khoảng 10 - 12 tỷ USD.

Từ 1946, với chiến lược "thay thế nhập khẩu", kinh tế Philippines bắt đầu phát triển và có tốc độ tăng trưởng cao hơn Indonesia, Malaysia và Thái Lan. Sang thập kỷ 70, với chiến lược "hướng vào xuất khẩu", kinh tế Philippines đã có một số kết quả tích cực: GNP năm 1979 đạt 7,5% và bình quân đầu người đạt 590 USD. Từ 1983, kinh tế Philippines khủng hoảng. Đến 1986, được sự hỗ trợ tích cực của các nước tư bản lớn và các tổ chức tài chính quốc tế, kinh tế Philippines phục hồi. Năm 1996, GDP đạt 7,1%, dự trữ ngoại tệ đạt 11,6 tỉ USD, FDI đạt 5,5 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người đạt 1090 USD. Từ 1998 đến 2000 do khủng hoảng tài chính-tiền tệ khu vực và tình hình nội bộ Philippines bất ổn nền kinh tế Philippines suy giảm. Giá trị đồng peso giảm mức thấp nhất.

Từ năm 2004 trở lại đây, kinh tế Philippines phát triển tương đối khá, đạt mức tăng trưởng 5 – 5,5%/năm, GDP năm 2005 đạt 1.080 USD/người. Xuất khẩu tăng khá, đồng Peso tăng từ 57 Peso/1 USD lên khoảng 50 Peso/1 USD. Năm 2009, do khủng hoảng kinh tế toàn cầu, GDP Philippines chỉ tăng 1.1%. Đến năm 2010 và 2011, kinh tế Philippines có dấu hiệu phục hồi với mức tăng GDP lần lượt là 7.6% và 4.7%. Tuy nhiên, kinh tế Philippines còn nhiều khó khăn do cơ cấu kinh tế nói chung, cơ cấu kinh tế vùng nói riêng không hợp lý, quan hệ kinh tế đối ngoại chưa đa phương hoá, đa dạng hoá, nghèo đói, đặc biệt ở nông thôn chậm được giải quyết, bất ổn chính trị, an ninh, dân số tăng cao...

Trong những năm gần đây, nền kinh tế Philippines ít bị ảnh hưởng hơn các quốc gia khác do ít tiếp xúc với khủng hoảng quốc tế vốn đang khó khăn, phụ thuộc ít vào xuất khẩu, sức tiêu dùng trong nước ổn định, kiều hối lớn từ 4-5 triệu người Philippines đang lao động ở nước ngoài. Dự trữ quốc tế ở mức cao kỷ lục, hệ thống ngân hàng ổn định, thị trường chứng khoán tốt thứ hai ở Châu Á năm 2012. Tăng trưởng kinh tế Philippines trung bình 4,5% trong suốt thời kỳ Macapagal-Arroyo làm tổng thống, nhưng nghèo đói trở nên tồi tệ trong nhiệm kỳ của bà. Tăng trưởng

kinh tế đã mạnh mẽ hơn dưới chính quyền của ông Aquino, GDP tăng trung bình 6% từ năm 2011 – 2015, tỷ lệ thất nghiệp có giảm nhưng vẫn còn ở mức quá cao khoảng 6.5%. Thiếu việc làm là gần 20% và hơn 40% số người có việc làm không chính thức. Chính quyền của ông Aquino đã nỗ lực để tăng ngân sách cho giáo dục, y tế, giúp đỡ tài chính cho người nghèo và các chương trình chi tiêu xã hội khác, và nhờ khu vực tư nhân giúp các dự án cơ sở hạ tầng lớn theo chương trình hợp tác công- tư. Những thách thức dài hạn bao gồm cải cách quản trị và hệ thống tư pháp, xây dựng hạ tầng, cải thiện khả năng dự báo, và thuận lợi hóa kinh doanh, thu hút hơn nữa các khoản đầu tư trong và ngoài nước.

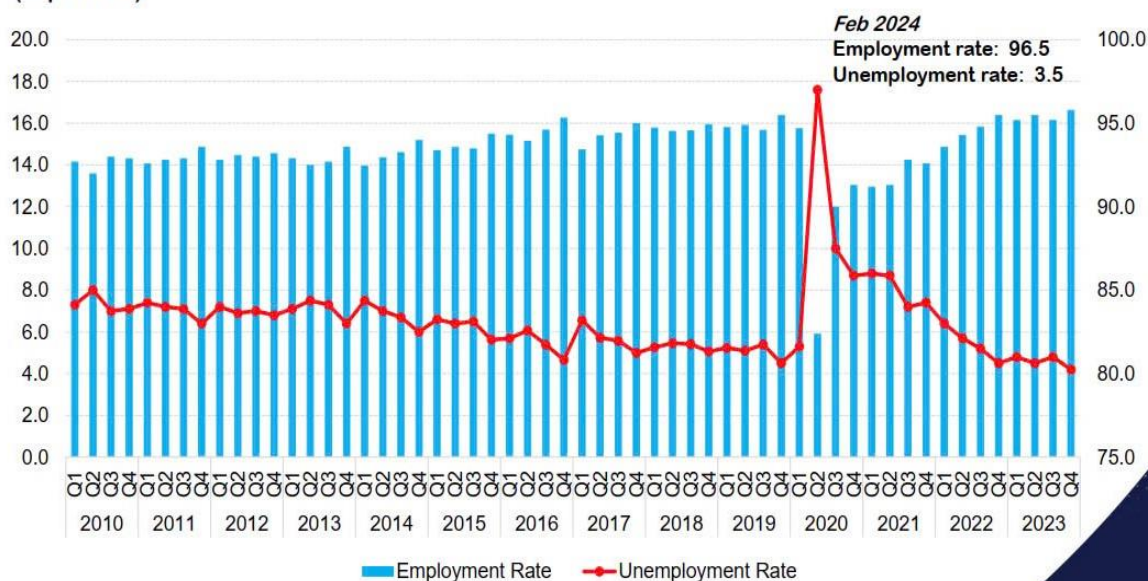
Trong năm 2016, dưới chính quyền của ông Rodrigo Duterte, Philippines vẫn giữ được tăng trưởng kinh tế vô cùng ấn tượng là 6.4% (cao hơn Việt Nam 6.2%).

Năm 2017, Chính phủ của ông Duterte tỏ ra mạnh tay với tệ nạn ma túy và khủng bố, trong khi mềm mỏng và ưu tiên các biện pháp hòa bình trong quan hệ quốc tế cũng như việc giải quyết mâu thuẫn với các đảng phái trong nước hoặc cộng đồng người Hồi giáo ở Philippines. Trong năm 2017, với vai trò Chủ tịch của ASEAN, Philippines sẽ tiếp tục lấy sự ổn định, đoàn kết, các phương pháp giải quyết hòa bình làm ưu tiên khi bàn về tình hình Biển Đông. ASEAN dưới nhiệm kỳ chủ tịch luân phiên của Philippines cũng dự kiến mở rộng các mối quan hệ bên ngoài, nhằm tận dụng các nguồn lực phong phú cho lợi ích chung của khối cũng như vấn đề hợp tác với những đối tác khác như Nhật Bản và Úc.

Trong giai đoạn tăng trưởng thần kỳ của Philippines, 2010 – 2023, ghi nhận sự phát triển đồng đều của các ngành kinh tế, tạo ra nhiều công ăn việc làm, tỉ lệ việc làm cao, trên 90%, tỉ lệ thất nghiệp giảm.

Biểu đồ tỉ lệ thất nghiệp tại Philippines giai đoạn 2010 - 2023

Employment rate and Unemployment rate: Q1 2020 – Q4 2023
(in percent)



Source: PSA

BSP RESEARCH

1.2. Đặc điểm thị trường, thực trạng nền kinh tế của Philippines

1.2.1. Đặc điểm và sự phát triển của thị trường Philippines

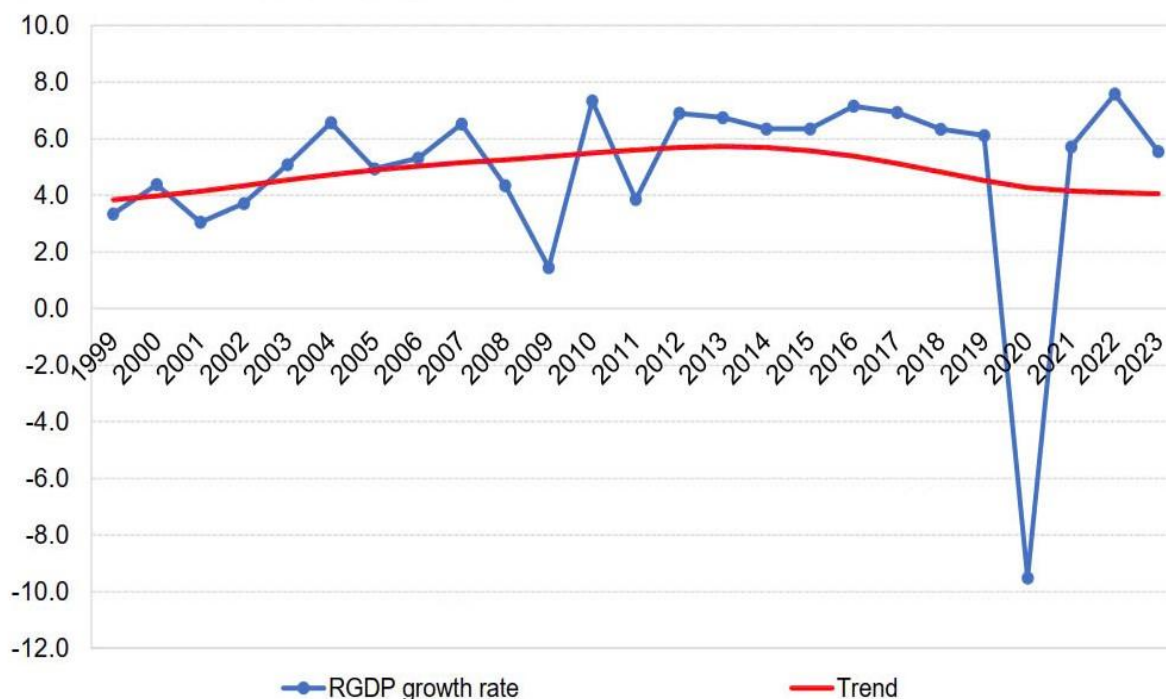
Nền kinh tế Philippines là nền kinh tế mới nổi, được coi là nước công nghiệp mới trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Nền kinh tế Philippines ước đạt trên 500 tỷ USD, là nền kinh tế lớn thứ 31 thế giới xét theo GDP danh nghĩa và là nền kinh tế lớn thứ 11 châu Á theo đánh giá của Quỹ tiền tệ thế giới IMF.

Nền kinh tế Philippines phát triển theo hướng tập trung vào các dịch vụ, với sự đóng góp ở mức khiêm tốn từ ngành sản xuất và nông nghiệp. Philippines đã có những giai đoạn phát triển với mức tăng trưởng GDP hàng năm thuộc những nước cao nhất ở châu Á và khu vực. Với mức tăng trưởng GDP trung bình hàng năm ở mức khoảng 6% từ năm 2010, Philippines trở thành một trong những quốc gia có mức tăng trưởng cao nhất trên thế giới.

Philippines là thành viên sáng lập của Liên hợp quốc, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á, Tổ chức hợp tác kinh tế khu vực châu Á – Thái Bình Dương, và là thành viên của Tổ chức thương mại thế giới WTO. Năm 2017, Chính phủ Philippines đặt mục tiêu đưa Philippines trở thành nền kinh tế lớn thứ 9 trong khu vực châu Á, và lớn thứ 19 trên toàn cầu vào năm 2050. Philippines đặt mục tiêu trở thành nền kinh tế lớn thứ 22 toàn cầu vào năm 2035.

Tăng trưởng GDP thực tế của Philippines giai đoạn 1999 - 2023

Real GDP Growth, 1999 – 2023
At 2018 constant prices, in percent



Source of data: Philippine Statistics Authority (PSA)

Từ biểu đồ cho thấy tăng trưởng GDP thực tế của Philippines giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2023, đặc biệt là những năm gần đây luôn ở mức cao. Tăng trưởng kinh tế của Philippines, từ 1980 đến 2023, cụ thể:

- Giai đoạn 1980 – 1982, tăng trưởng kinh tế thấp do trình độ quản lý yếu kém và lạc hậu.
- Giai đoạn 1983 – 1986, suy thoái kinh tế do các yếu tố tác động, đặc biệt là yếu tố tham nhũng từ chính quyền.
- Giai đoạn 1987 – 1990, phục hồi nền kinh tế sau khủng hoảng năm 1984.
- Giai đoạn 1991 – 1992, lạm phát và các thảm họa tự nhiên dẫn tới kinh tế tăng trưởng chậm.
- Giai đoạn 1993 – 1997, tăng trưởng kinh tế mạnh.
- Năm 1998, có sự suy thoái do khủng hoảng tài chính năm 1997.
- Giai đoạn 1999 – 2001, kinh tế phục hồi.
- Năm 2002, suy thoái kinh tế do bạo động trong nước.
- Giai đoạn 2002 – 2008, kinh tế hồi phục và tăng trưởng.
- Năm 2009, tăng trưởng kinh tế bị ảnh hưởng bởi đại suy thoái.
- Giai đoạn 2010 – 2019, tăng trưởng kinh tế mạnh, được mệnh danh là con rồng kinh tế châu Á.
- Năm 2020, bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.
- Giai đoạn 2011-2023, kinh tế hồi phục.

	Real GDP Growth	
	Average	Volatility
1982 - 1989	1.6	5.8
1990 - 1999	2.8	2.5
2000 - 2009	4.5	1.6
2010 - 2019	6.4	1.1
2020 - 2023	2.4	8.3

Source of data: PSA

1.2.2. Thực trạng nền kinh tế Philippines

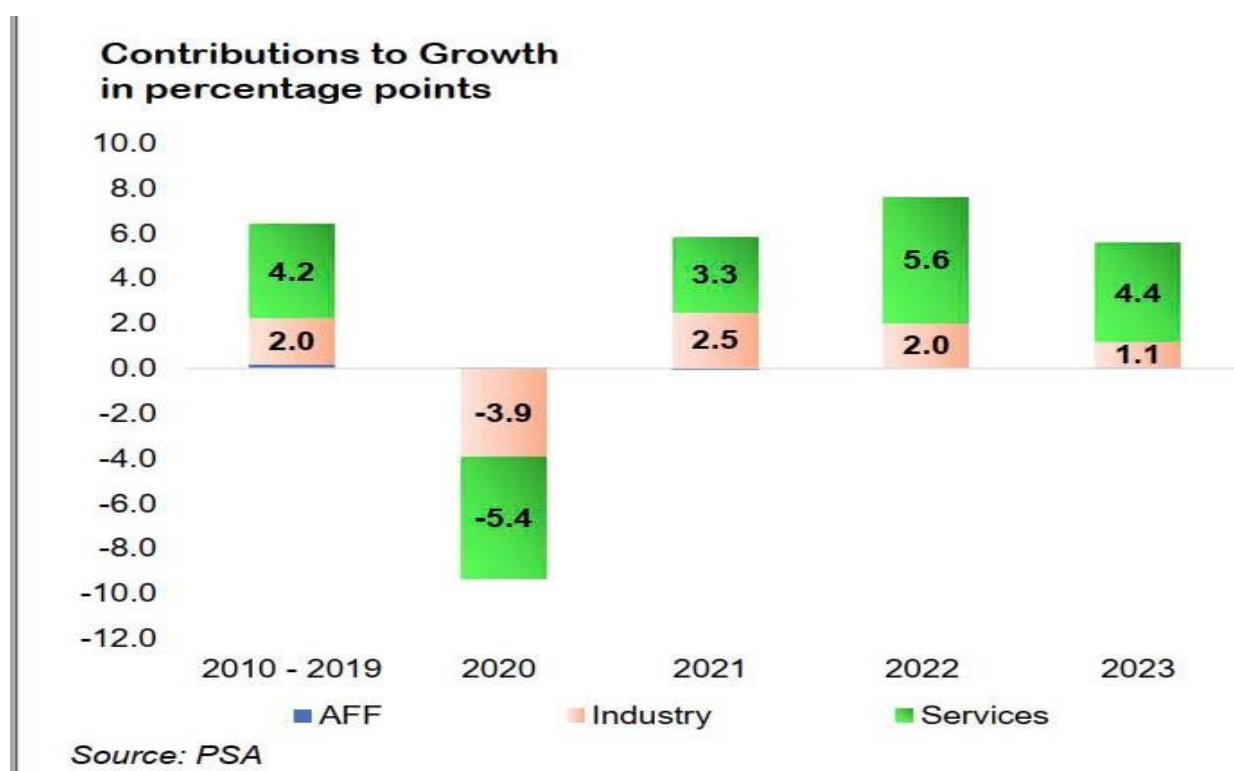
Kinh tế Philippines là một nền kinh tế thị trường công nghiệp mới, theo các số liệu thống kê của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF). Philippines được coi là một trong những con Hổ mới châu Á cùng với.

Các lĩnh vực quan trọng trong nền kinh tế của Philippines gồm nông nghiệp và công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến thực phẩm, dệt sợi và quần áo, các bộ phận điện tử và ô tô. Ngành công nghiệp hầu như tập trung vào các thành phố xung quanh Manila, trong khi Cebu cũng đang trở thành một địa điểm hấp dẫn cho các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Ngành khai thác mỏ tại Philippines cũng có tiềm năng lớn ở Philippines, sở hữu một lượng dự trữ lớn chromite, niken, đồng. Gần đây khí gas tự nhiên đã được tìm ra và thêm vào nguồn dự trữ năng lượng.

Tại Philippine, người Philippines gốc Hoa là thế lực chi phối nền kinh tế. Tổng số người Philippines gốc Hoa chỉ chiếm khoảng 2% dân số, nhưng chiếm trên 35% tổng thương mại kim ngạch thương mại của cả nước.

Philippines có nền kinh tế chuyển đổi từ một nước dựa trên nông nghiệp sang một nền kinh tế dựa trên các dịch vụ và sản xuất. Trong những năm qua tất cả các ngành, lĩnh vực sản xuất của Philippines đều ghi nhận có sự tăng trưởng, tuy nhiên đóng góp lớn nhất trong nền kinh tế và tăng trưởng GDP của Philippines vẫn là các ngành dịch vụ.

Bảng đóng góp của các ngành trong tăng trưởng kinh tế Philippines giai đoạn 2010 - 2023



Ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản là ngành có sự đóng góp ít nhất cho nền kinh tế và tăng trưởng GDP của Philippines. Từ năm 2010 đến nay, kinh tế Philippines liên tục tăng trưởng tương đối khá, đạt mức tăng trưởng trung bình trên 6%/năm, nhiều năm liền là một trong những nền kinh tế tăng trưởng cao nhất khu vực Châu Á.

Biểu đồ đóng góp của các ngành trong tăng trưởng kinh tế Philippines giai đoạn 2010 - 2023

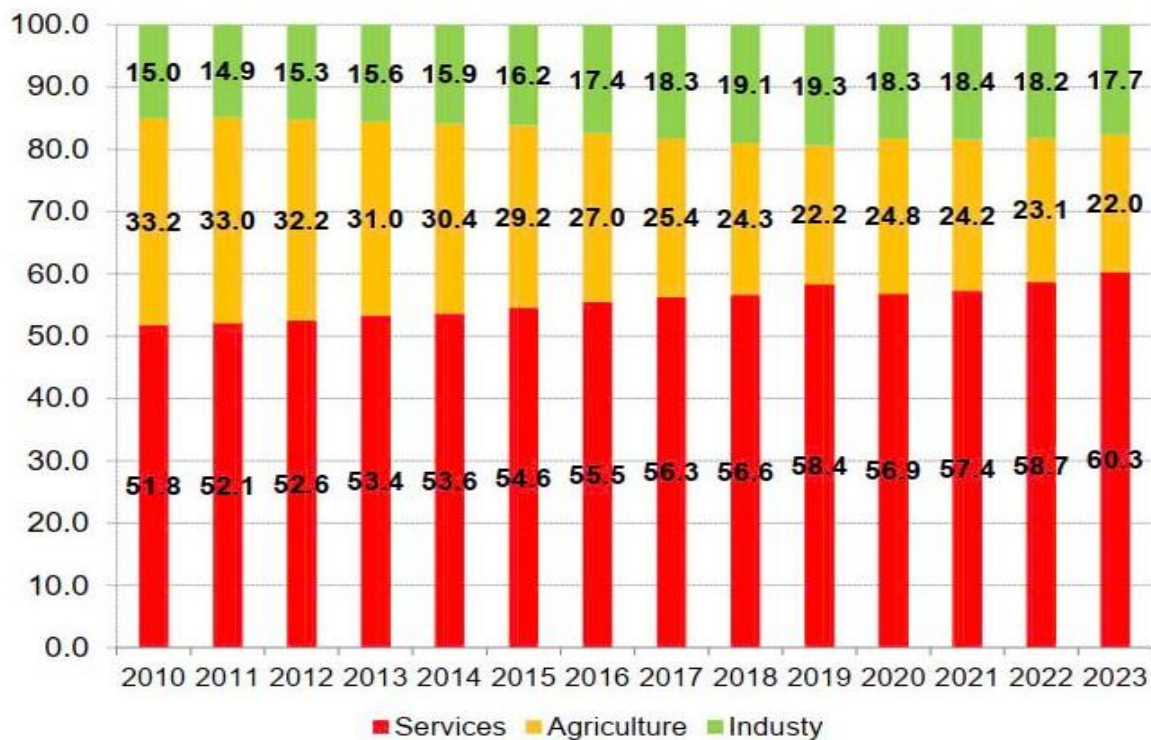
GDP by industry: 2010 - 2023
At 2018 constant prices
Growth rates in percent



Năm 2023, GDP của Philippines đạt mức tăng trưởng 6,0%, với giá trị trên 500 tỷ USD, trong đó dịch vụ chiếm 57,46%, công nghiệp chiếm 34,1% và nông lâm ngư nghiệp chỉ chiếm 8,53%.

Biểu đồ đóng góp của các ngành kinh tế trong lực lượng lao động

Sectoral employment share
(% to total employment)



1.3. Thực trạng một số ngành sản xuất quan trọng của Philippines

1.3.1. Ngành sản xuất các sản phẩm nông nghiệp của Philippines

Tính đến năm 2022, ngành nông nghiệp đã tạo công ăn việc làm cho khoảng 24% lực lượng lao động của Philippines, đóng góp khoảng 8,9% GDP. Các mô hình sản xuất kinh doanh trong ngành nông nghiệp bao gồm từ các hộ gia đình, trang trại nông nghiệp quy mô nhỏ đến các cơ sở sản xuất chế biến lớn cho xuất khẩu.

a. Ngành sản xuất dừa và các sản phẩm từ dừa

Philippines là nước sản xuất dừa lớn thứ ba thế giới và là quốc gia xuất khẩu các sản phẩm từ dừa lớn nhất thế giới. Sản xuất dừa ở Philippines thường có quy mô vừa và lớn.

Trong nhiều thập kỷ qua, tại Philippines, dừa được coi như “món quà của mẹ thiên nhiên” ban cho con người bởi công dụng không đếm xuể, từ dễ cho đến ngon, của cây dừa đối với đời sống con người. Hơn nữa, việc trồng dừa tại Philippines cũng rất dễ dàng và có tính ổn định cao. Philippines thuộc top các quốc gia hàng đầu về sản xuất dừa trên thế giới do diện tích đất dồi dào và đường chất tự nhiên trong đất phù hợp cho cây dừa phát triển.

Thực tế, trong nhiều thập kỷ qua, Philippines là quốc gia quan trọng cung ứng các sản phẩm dừa và từ dừa cho thị trường toàn cầu, đặc biệt là các thị trường Châu Âu, Mỹ, Nhật Bản và Trung Quốc. Dừa và các sản phẩm từ dừa đã trở thành nhóm các mặt hàng có giá trị cao trên thị trường quốc tế và mang lại nguồn thu góp phần thúc đẩy nền kinh tế của Philippines.

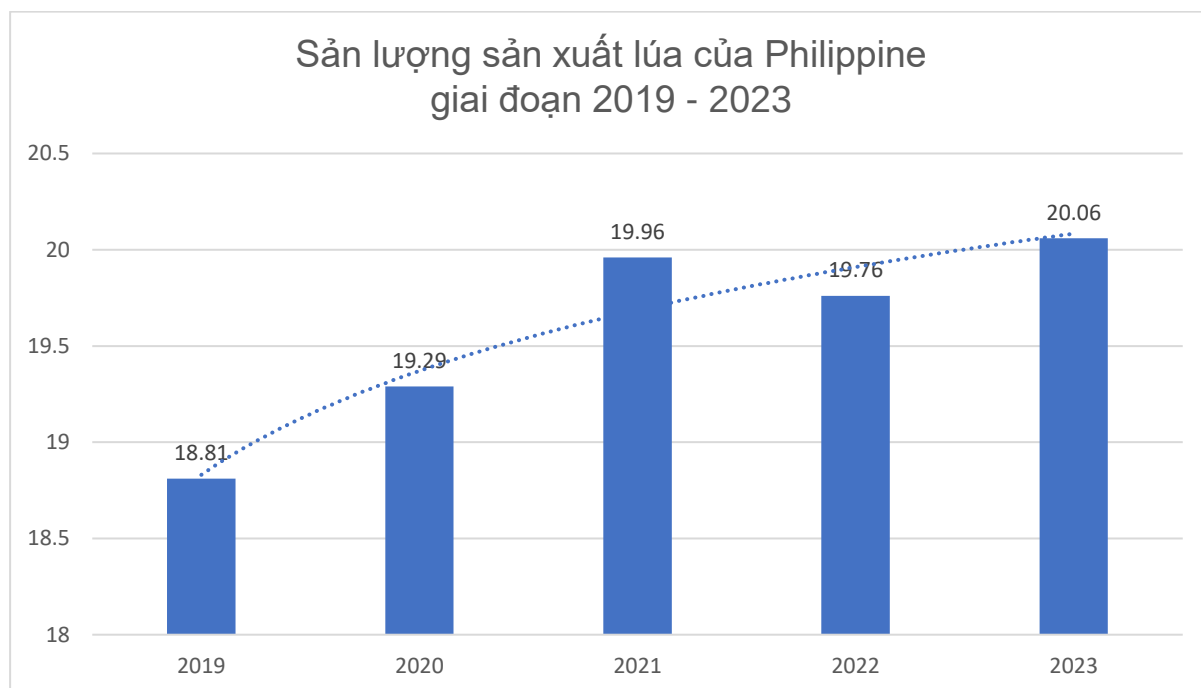
Theo thống kê từ Cơ quan quản lý dừa (PCA – Philippines Coconut Authority) – Bộ Nông nghiệp Philippines, tổng diện tích trồng dừa hiện nay của Philippines vào khoảng 3,6 triệu hécta, tại 83 tỉnh, chiếm 26% tổng diện tích đất nông nghiệp của Philippines. Tổng số cây dừa trên vùng trồng khoảng 340 triệu cây, cho thu hoạch hàng năm khoảng 14 đến 15 tỷ quả dừa. Có khoảng 2,8 triệu nông dân trên cả nước tham gia trồng dừa. Có tổng số 167 nhà máy chế biến các sản phẩm dừa, tuy nhiên, do thiếu nguồn nguyên liệu nên sản xuất hàng năm chỉ đạt khoảng 50% công suất. Các sản phẩm chủ yếu từ dừa bao gồm dừa quả, cùi dừa non, sợi cùi dừa già sấy khô, bột dừa, cùi dừa sấy, thạch dừa, dầu dừa, sữa dừa, mút dừa, rượu dừa, nước dừa tươi, nước dừa cô đặc, dầm dừa... và nhiều sản phẩm từ dừa khác. Giá trị xuất khẩu các sản phẩm dừa hàng năm của Philippines đạt trên 2 tỷ USD. Và hiện nay có khoảng 25 triệu người Philippines sống phụ thuộc vào cây dừa.

b. Ngành sản xuất lúa gạo của Philippines

Sản xuất lúa gạo là ngành quan trọng tại Philippines nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng. Philippines là nước sản xuất lúa gạo lớn thứ 8 trên thế giới tại thời điểm năm 2019, chiếm khoảng 2,5% tổng lượng lúa gạo toàn cầu. Gạo là mặt hàng lương thực vô cùng quan trọng của Philippines, và lúa gạo được sản xuất tập trung ở các

vùng trung tâm đảo Luzon, phía tây đảo Visayas, và các vùng Cagayan Valley, vùng Soccsksargen và vùng Ilocos.

Philippines là quốc gia sản xuất nông nghiệp trong đó có sản xuất lúa gạo, tuy nhiên, trong nhiều năm qua sản xuất lúa gạo trong nước luôn không đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ. Hàng năm, tùy thuộc vào các điều kiện canh tác và thời tiết, sản xuất nội địa trong những năm gần đây của Philippines đạt khoảng từ 19 đến 20 triệu tấn thóc, tương đương khoảng trên 12 triệu đến 13 triệu tấn gạo.



Cụ thể, theo số liệu thống kê của Bộ Nông nghiệp Philippine, sản xuất lúa nội địa của Philippine năm 2022 đạt khoảng 19,75 triệu tấn, tương đương khoảng 12,74 triệu tấn gạo. Năm 2023, lần đầu tiên sản xuất lúa nội địa của Philippine vượt con số 20 triệu tấn (cụ thể 20,06 triệu tấn), tăng 1,5% so với năm 2022 và vượt qua mức đỉnh đạt được năm 2021 (là 19,96 triệu tấn).

c. Ngành sản xuất đường

Philippines là quốc gia sản xuất đường lớn nhất thế giới. Có ít nhất 17 tỉnh ở 8 vùng của Philippines là những vùng trồng mía. Thống kê niên vụ 2022-2023 có tổng cộng 29 nông trang trồng mía, với 13 nông trang tại Negros, 6 nông trang tại Luzon, 4 nông trang tại Panay, 3 nông trang tại Đông Visayas và 3 nông trang tại vùng Mindanao. Có khoảng từ 360.000 đến 390.000 héc ta đất giành cho trồng mía.

Đường là một trong những sản phẩm quan trọng của Philippines. Trong niên vụ 2019 – 2020, sản lượng đường thô của Philippines đạt 2,1 triệu tấn, đây là mức sản lượng thấp nhất trong vòng một thập kỷ qua. Trong niên vụ 2020 – 2021, sản lượng đường thô của Philippines sẽ giảm xuống còn 2 triệu tấn.

Sản lượng đường trong các niên vụ gần đây giảm sút chủ yếu thời tiết bất lợi, đặc biệt là về lượng, thời gian mưa tại các khu vực trồng cây mía đường do tới 80%

vùng trồng cây mía phụ thuộc vào nước mưa và không có hệ thống thủy lợi. Ngoài ra, diện tích vùng trồng mía của Philippines cũng tiếp tục thu hẹp từ 409.714 héc-ta trong niên vụ 2018 – 2019 xuống còn 399.788 héc-ta trong niên vụ 2019 – 2020.

Năng suất ngành đường của Philippines tương đối thấp, ở mức 5,1 tấn đường/héc-ta, thấp hơn năng suất của một số quốc gia khác trong khu vực Đông Nam Á như Thái Lan (6,2 tấn đường/héc-ta), Việt Nam (5,3 tấn đường/héc-ta).

Tình hình sản lượng, tiêu thụ, thương mại đường thô năm 2018 – 2021

Niên vụ	2018 - 2019	2019 - 2020	2020 –2021 (dự báo)
Sản lượng (tấn)	2.100.000	2.025.000	2.100.000
Tiêu thụ (tấn)	2.250.000	2.300.000	2.350.000
Nhập khẩu (tấn)	350.000	400.000	450.000
Xuất khẩu (tấn)	120.000	120.000	140.000
Diện tích trồng (héc-ta)	409.714	406.500	404.000

Nguồn: Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA)

d. Sản xuất chuối của Philippines

Philippines là nước xuất khẩu chuối thứ hai thế giới sau Ecuador trong nhiều thập kỷ qua (chiếm thị phần thứ hai thế giới -14%, sau Ecuador 29,4%, trên costarica và colombia từ 9,5- 8%). Về giá trị chiếm 1/3 thương mại chuối toàn cầu. Các lô hàng chuối trong năm 2023 của Philippines đạt trị giá 1,93 tỷ USD, tăng 40% so với năm trước và chiếm 3% tổng kim ngạch xuất khẩu. Chuối chiếm 38,75% của tổng sản lượng nông nghiệp trong năm 2023, tăng từ 30,14 % (2018), chuối cho phép vực lại tổng doanh thu năm 2023 bởi sự sụt giảm trong các lô hàng sản phẩm từ dừa, đặc biệt là dầu dừa, từng là mặt hàng xuất khẩu trang trại hàng đầu của Philippines.

Các giống chuối cavendish được trồng trong các đồn điền thương mại từ nhỏ đến lớn cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Chuối xuất khẩu được sản xuất bởi các công ty thuộc sở hữu của Philippines và các tập đoàn đa quốc gia. Nông dân nhỏ và vừa sản xuất chuối để xuất khẩu bán cho các công ty đa quốc gia hoặc trực tiếp cho thương nhân. Một phần nhỏ xuất khẩu của Philippines là chuối hữu cơ. Nông dân sản xuất nhỏ thường trồng chuối chủ yếu để tiêu thụ trong vườn sân sau. Họ phát triển đa dạng các món tráng miệng và nấu ăn tùy thuộc vào sở thích của họ và sự dễ dàng mà họ có thể được sản xuất. Trong các đồn điền nhỏ, chuối được trồng dưới dạng đơn canh ở các khu vực có diện tích từ 2 đến 20 ha. Các giống được lựa chọn dựa trên sở thích của người tiêu dùng địa phương, các điều kiện nông học phổ biến và các loại sâu bệnh hiện có.

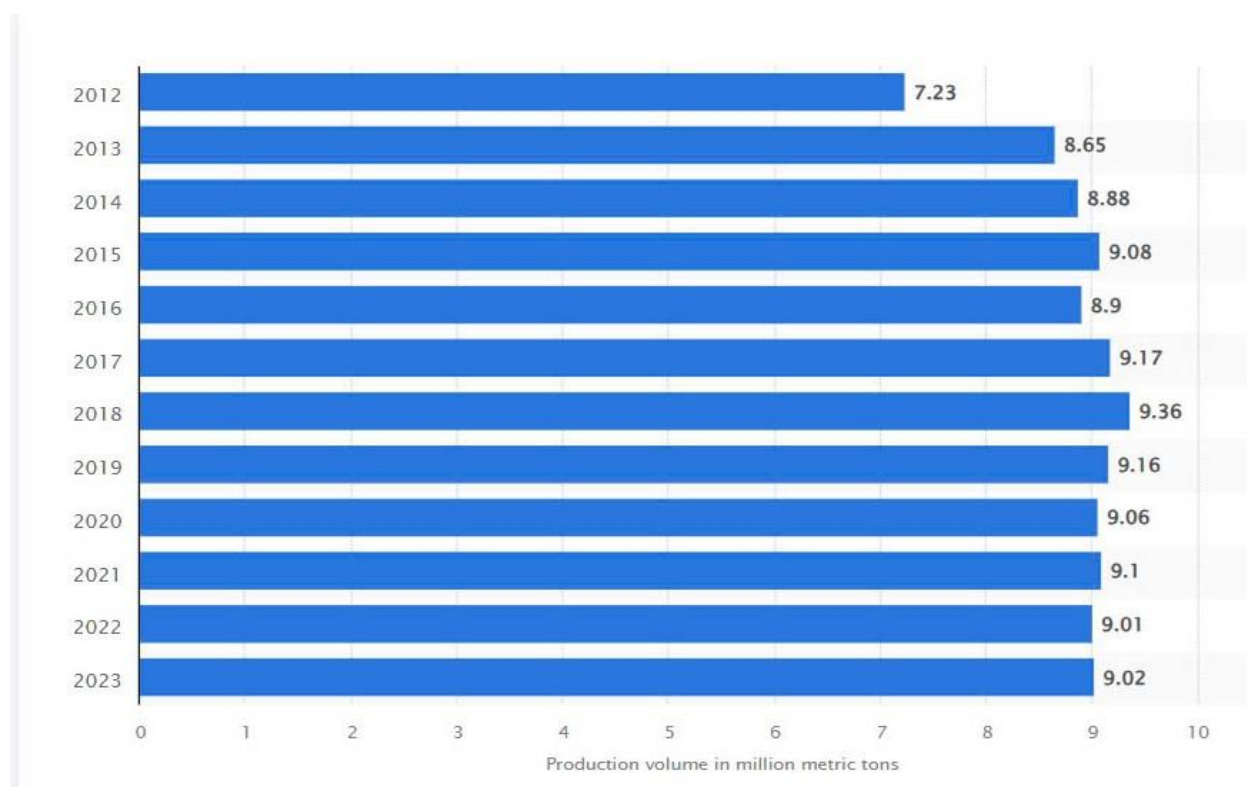
Ngoài chuối cavendish để xuất khẩu, Philippines cũng trồng các giống chuối khác như Lakatan và các giống Saba/Cardaba. Trong khi Cavendish chủ yếu được

sản xuất như một sản phẩm xuất khẩu, Lakatan được tiêu thụ chủ yếu dưới dạng trái cây tươi ở thị trường nội địa trong khi một phần lớn của giống Saba/Cardaba được chế biến thành chuỗi dăm và các sản phẩm khác để sử dụng trong nước và xuất khẩu.

Sản lượng chuối của Philippines kể từ năm 2010 đạt đỉnh vào năm 2012 với hơn 9,2 triệu tấn, sau đó là sự sụt giảm do hậu quả trực tiếp của thiệt hại do thiên tai. Về diện tích trồng, từ mức cao khoảng 454.000 ha vào năm 2012, giảm xuống còn khoảng 446.000 ha vào năm 2013 và tiếp tục giảm xuống còn 443.000 ha vào năm 2014 và 2015, và hiện nay ở mức dưới 400.000 ha. Sự sụt giảm mạnh trong xuất khẩu chuối của Philippines được chứng minh rõ ràng là từ 237 triệu hộp xuất khẩu vào năm 2011, giảm chỉ có 187 triệu hộp được xuất khẩu vào năm 2016 - giảm 21% về lượng trong vòng 5 năm. Điều này cho thấy mức tổn thất nhiều triệu USD cho nền kinh tế. Sự phục hồi đã bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khác như sâu bệnh, thời tiết thay đổi, và thậm chí chính phủ còn tập trung vào sự phát triển của các loại cây trồng khác như cacao. Năm 2017, Philippines giành lại vị trí số 2 là nước xuất khẩu chuối.

Năm 2023, khối lượng chuối do Philippines sản xuất đạt gần 9,02 triệu tấn, tăng nhẹ so với năm 2022.

Sản lượng chuối của Philippines giai đoạn 2012 - 2023



e. Sản xuất dứa của Philippines

Philippines cũng là nước sản xuất dứa lớn thứ hai thế giới, năm 2023 sản xuất khoảng 2,9 triệu tấn dứa. Tuy nhiên, ngành sản xuất dứa của Philippines cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức như biến đổi khí hậu, thời tiết, sâu bệnh và những hạn chế về kỹ thuật trồng và chế biến sau thu hoạch.

1.3.2. Ngành công nghiệp ô tô, tự động hóa và hàng không vũ trụ

Philippines có thế mạnh trong sản xuất các sản phẩm tự động hóa phục vụ cho sản xuất ô tô. Toàn bộ hệ thống chống bó cứng phanh xe ô tô ABS sử dụng cho các hãng xe Mercedes-Benz, BMW, Volvo được sản xuất tại Philippines. Các hãng xe máy Honda và Suzuki đặt nhà máy sản xuất tại Philippines. Từ năm 2010, nhiều hãng xe ô tô của Trung Quốc đã đặt nhà máy sản xuất tại Philippines, bao gồm hãng xe Chery và Foton Motor.

Các sản phẩm ngành hàng không vũ trụ của Philippines phục vụ chủ yếu cho xuất khẩu, bao gồm cả việc sản xuất các linh kiện lắp ráp và thay thế trong quá trình lắp ráp, sửa chữa máy bay của các hãng như Boeing và Airbus. Moog là hãng sản xuất các sản phẩm hàng không vũ trụ lớn nhất thế giới đặt tại Baguio, Philippines, hãng này chuyên sản xuất các bộ chuyển động cho máy bay. Kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm ngành hàng không vũ trụ của Philippines đã đạt giá trị trên 1 tỷ USD.

1.3.3. Ngành điện tử và linh kiện

Ngành sản xuất các sản phẩm điện tử và linh kiện là ngành kinh tế mũi nhọn của Philippines. Nhà máy sản xuất linh kiện điện tử bán dẫn Texas đặt tại Baguio, Philippines đã đi vào hoạt động trên 20 năm, là nhà sản xuất bộ chip xử lý tín hiệu DSP (Digital Signal Processing) lớn nhất thế giới. Doanh nghiệp này sản xuất bộ chip xử lý tín hiệu DSP cho toàn bộ các sản phẩm điện thoại di động của Nokia và 80% của Ericsson trên thế giới. Toàn bộ hệ thống ổ đĩa cứng của máy tính Toshiba được sản xuất tại Santa Rosa, Laguna, Philippines. Công ty sản xuất máy in Lexmark có nhà máy đặt tại Cebu, Philippines. Nhiều doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm ngành điện, điện tử với quy mô lớn đặt tại các tỉnh Laguna, Cavite, Batangas và các tỉnh khác thuộc khu vực Calabarzon của Philippines.

Ngành công nghiệp điện tử của Philippines với 73% là dịch vụ sản xuất chip bán dẫn (semiconductor), 27% sản xuất các đồ điện, điện tử dân dụng. Năm 2022, giá trị xuất khẩu của ngành này mang lại cho Philippines là 46,66 tỷ USD, chiếm 57,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Philippines.

1.3.4. Ngành khai khoáng và triết quặng

Philippines là quốc gia giàu có về các nguồn khoáng sản và năng lượng địa nhiệt. Năm 2019, Philippines sản xuất 1.928 megawatts điện từ nguồn địa nhiệt, chiếm khoảng 7,55% trong tổng lượng điện sản xuất. Năm 1989, Philippines phát hiện trữ lượng lớn khí gas tại khu vực bờ biển đảo Palawan, sau đó được khai thác phục vụ sản xuất điện tại 3 nhà máy điện lớn. Các khoáng sản khác như vàng, niken, đồng... của Philippines có trữ lượng lớn nhất thế giới. Các khoáng sản quan trọng khác như bạc, than, sunfua... cũng có trữ lượng lớn được tìm thấy tại Philippines. Xuất khẩu từ khoáng sản của Philippines năm 2020 đã đạt con số 4,22 tỷ USD.

**Bảng thông tin tổng hợp các chỉ số kinh tế - xã hội của Philippines
giai đoạn 2017 - 2023**

	2023	2022	2021	2020	2019	2018	2017
Social indicators/Các chỉ số xã hội							
Dân số (triệu người)	111.9	110.9	110.1	109.2	107.3	105.8	104.2
Tỉ lệ đói nghèo (%)	-	-	18.1	-	-	16.6	-
Lực lượng lao động (triệu người)	51.2	49.0	47.7	43.9	42.4	41.2	40.3
Tỉ lệ thất nghiệp (%)	4.3	5.4	7.8	10.3	5.1	5.3	5.7
Lương cơ bản (Danh nghĩa)	610.00	570.00	537.00	537.00	537.00	537.00	512.00
Tỉ lệ lạm phát (%)	6.0	5.8	3.9	2.4	2.4	5.2	2.9
External Sectors/Các chỉ số kinh tế							
Thâm hụt thương mại (triệu USD)	-65,778	-69,701	-52,806	-33,775	-49,312	-50,972	-40,215
Xuất khẩu hàng hóa (triệu USD)	55,316	57,710	54,228	48,212	53,477	51,977	51,814
Nhập khẩu hàng hóa (triệu USD)	121,104	127,412	107,034	81,987	102,788	102,949	92,029
Thâm hụt ngân khố (triệu USD; % of GDP)	-11,206 (-2.6)	-18,261 (-4.5)	-5,943 (-1.5)	11,578 (3.2)	-3,047 (0.8)	-8,877 (-2.6)	-2,143 (-0.7)
Nợ công/Nợ trong nước (triệu USD; % of GDP)	125,394 (28.7)	111,268 (27.5)	106,428 (27.0)	98,488 (27.2)	83,618 (22.2)	78,960 (22.8)	73,098 (22.3)

Thu nhập ngoại hối (triệu USD)	37,210	36,136	34,884	33,194	33,467	32,213	31,288
Dự trữ ngoại tệ (triệu USD)	103,725	96,130	108,794	110,115	87,836	79,189	81,567
Đầu tư nước ngoài (triệu USD)	8,900	9,200	10,518	6,822	8,671	9,949	10,236
Đầu tư nước ngoài trên sản ngoại hối (triệu USD)	118,985	112,965	113,711	103,193	94,593	82,997	73,016
Public Finances/Các chỉ số tài chính công							
Thâm hụt ngân sách (Tỷ pesos; % of GDP)	-1,512 (-6.2)	-1,614 (-7.3)	-1,670 (-8.6)	-1,371 (-7.6)	-660 (-3.4)	-558 (-3.1)	-351 (-2.1)
Thu nhập (Tỷ pesos; % of GDP)	3,824 (15.7)	3,546 (16.1)	3,006 (15.5)	2,856 (15.9)	3,137 (16.1)	2,850 (15.6)	2,473 (14.9)
Chi tiêu (Tỷ pesos; % of GDP)	5,336 (21.9)	5,160 (23.4)	4,676 (24.1)	4,227 (23.5)	3,798 (19.5)	3,408 (18.7)	2,824 (17.1)
Chỉ số BSP (Danh nghĩa; O-RRP)	0.16	-5.03	-1.10	-0.57	2.01	-1.58	0.10
Nợ công (Tỷ pesos; % of GDP)	14,616 (60.1)	13,419 (60.9)	11,729 (60.4)	9,795 (54.6)	7,731 (39.6)	7,293 (39.9)	6,652 (40.2)
Tỉ giá đồng USD (Trung bình)	55.630	54.478	49.225	49.624	51.796	52.661	50.404

PHẦN 2

CÁC CAM KẾT QUỐC TẾ VÀ TÌNH HÌNH GIAO THƯƠNG XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA PHILIPPINES

2.1. Cam kết quốc tế, tình hình giao thương của Philippines

2.1.1. Các cam kết quốc tế

Philippines là thành viên của nhiều tổ chức quốc tế gồm ADB, APEC, APT, ARF, ASEAN, BIS, CD, CP, EAS, FAO, G-24, G-77, IAEA, IBRD, ICAO, ICC, IDA, ICRM, IFAD, IFC, IFRCs, IHO, ILO, IMF, IMO, IMSO, Interpol, IOC, IOM, IPU, ISO, ITSO, ITU, ITUC, MIGA, MINUSTAH, NAM, OAS, OPCW, PIF, UNCTAD, UN, UNDOF, UNESCO, UNHCR, UNIDO, Union Latina, UNMIL, UNMIS, UNMIT, UNMOGIP, UNOCI, UNWTO, UPU, WCO, WFTU, WHO, WIPO, WMO, WTO.

Philippines đặt quan hệ thương mại với nhiều quốc gia và đã tham gia nhiều cam kết quốc tế, ký kết nhiều thỏa thuận quốc tế bao gồm cả các cam kết thỏa thuận song phương, khu vực và đa phương.

- Hiệp định Đối tác Kinh tế Philippines-Nhật Bản (PJEPA – Philippines – Japan Economic Partnership Agreement),
- Hiệp định Hiệp hội thương mại và Thương mại tự do với các nước thành viên Liên minh châu Âu (Iceland, Liechtenstein, Na Uy và Thụy Sĩ) [Philippines-European Free Trade Association (EFTA) Free Trade Agreement (FTA)],
- Hiệp định Thương mại tự do với Liên minh châu Âu (PE,
- Hiệp định Hiệp hội thương mại tự do Philippines – Liên minh châu Âu (PEFTA – Philippines-European Free Trade Association),
- Hiệp định khung thương mại và đầu tư Philippines-Hoa Kỳ,
- Hiệp định Philippines-FTA (với Iceland, Liechtenstein, Na Uy và Thụy Sĩ),
- Hiệp định thương mại tự do ASEAN-Hồng Kông, Trung Quốc,
- Quan hệ đối tác kinh tế toàn diện khu vực,
- Khu vực thương mại tự do ASEAN,
- Hiệp định thương mại tự do ASEAN-Australia và New Zealand,
- Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN-Ấn Độ,
- Quan hệ đối tác kinh tế toàn diện ASEAN-Nhật Bản,
- Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN-Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa,
- Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện ASEAN-Hàn Quốc.

2.1.2. Tình hình giao thương, cán cân thương mại của Philippines

Philippines được liệt danh là một trong những con rồng kinh tế cùng với Indonesia, Malaysia và Việt Nam. Tuy nhiên, thực tế còn rất nhiều vấn đề đặt ra với nền kinh tế của Philippines, từ việc phân hóa xã hội và thu nhập, sự phát triển bất cân xứng giữa các khu vực, vấn đề tham nhũng và đầu tư cơ sở hạ tầng.

Philippines tập trung phát triển các ngành dịch vụ, ngành sản xuất trong nước còn hạn chế, nền kinh tế Philippine phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu, vì vậy, nhập siêu hàng năm lớn. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Philippine hàng năm đạt khoảng 200 tỷ USD.

- Năm 2021, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Philippine đạt 191,6 tỷ USD, xuất khẩu 74,7 tỷ USD, nhập khẩu 116,9 tỷ USD, nhập siêu 42,2 tỷ USD.
- Năm 2022, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Philippine đạt 216 tỷ USD, tăng 12,7% so với năm 2021, xuất khẩu 78,8 tỷ USD, tăng 5,6% so với năm 2021, nhập khẩu 137,2 tỷ USD tăng 17,3% so với năm 2021, nhập siêu 58,4 tỷ USD tăng 38,4% so với năm 2021.
- Năm 2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Philippine đạt 199,47 tỷ USD, xuất khẩu 73,52 tỷ USD, giảm 7,6% so với năm 2022, nhập khẩu 125,95 tỷ USD, giảm 8,2% so với năm 2022, nhập siêu 52,42 tỷ USD, giảm 9,1% so với năm 2022.

Kết quả giao thương của Philippines 2021 – 2023

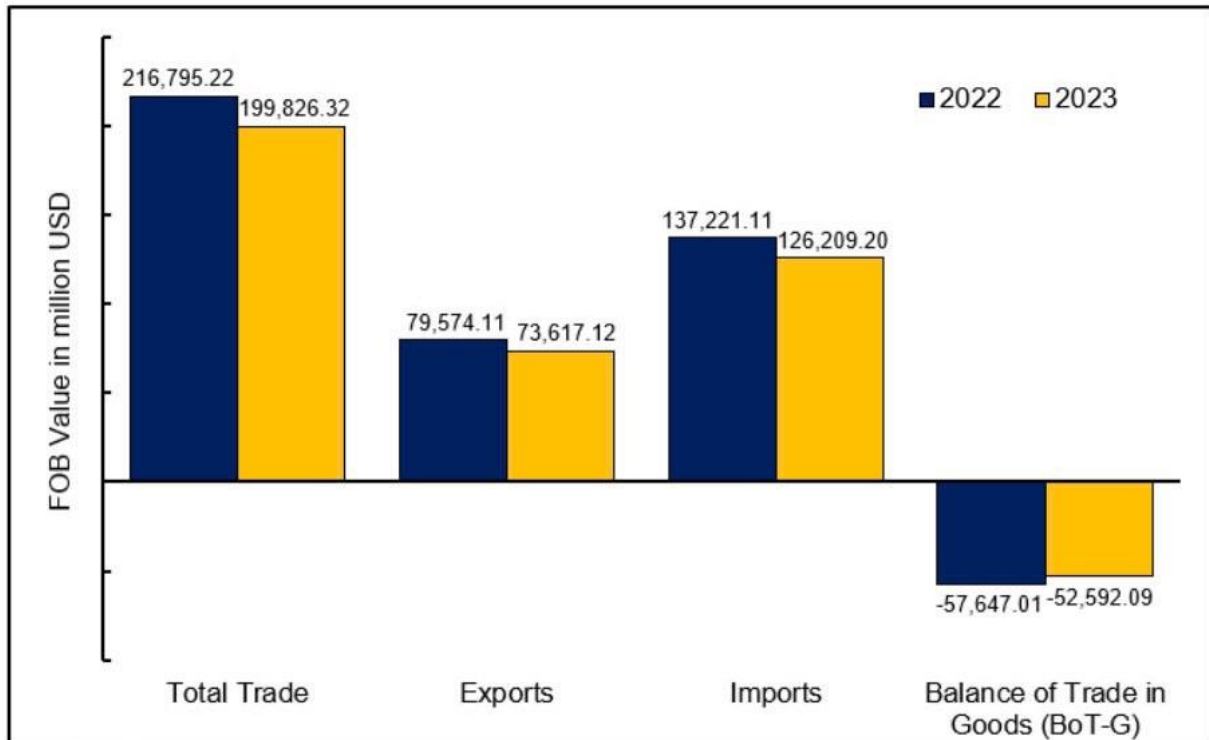
Indicator	2021		2022 ^r		2023 ^r	
	FOB Value (in million USD)	Year-on-Year Growth (%)	FOB Value (in million USD)	Year-on-Year Growth (%)	FOB Value (in million USD)	Year-on-Year Growth (%)
Total Trade	191,578.31	23.6	216,795.22	13.2	199,826.32	-7.8
Balance of Trade	-42,192.10	71.5	-57,647.01	36.6	-52,592.09	-8.8
Exports	74,693.11	14.5	79,574.11	6.5	73,617.12	-7.5
Imports	116,885.21	30.1	137,221.11	17.4	126,209.20	-8.0

r – revised

Source: Philippine Statistics Authority

Nhóm các nước xuất khẩu lớn vào Philippines gồm Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Indonesia và Mỹ. Các mặt hàng nhập khẩu chính của Philippine gồm các sản phẩm điện tử, khoáng sản, phương tiện giao thông, dụng cụ công nghiệp, sắt thép các loại. Các sản phẩm xuất khẩu của Philippine chủ yếu là nông sản. Sản phẩm chế biến và sản phẩm công nghệ cao xuất khẩu còn rất hạn chế.

Biểu đồ thâm hụt thương mại của Philippines năm 2022, 2023

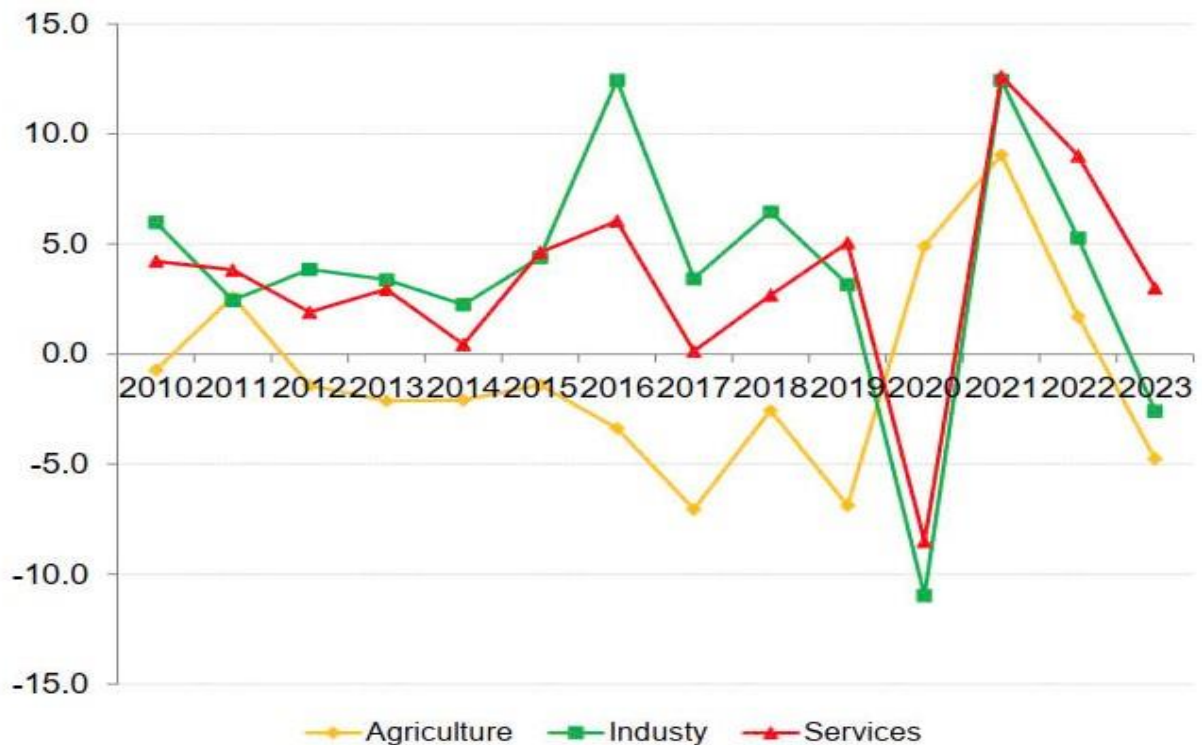


r – revised

Source: Philippine Statistics Authority

Tỷ lệ lao động tham gia trong các ngành kinh tế của Philippines

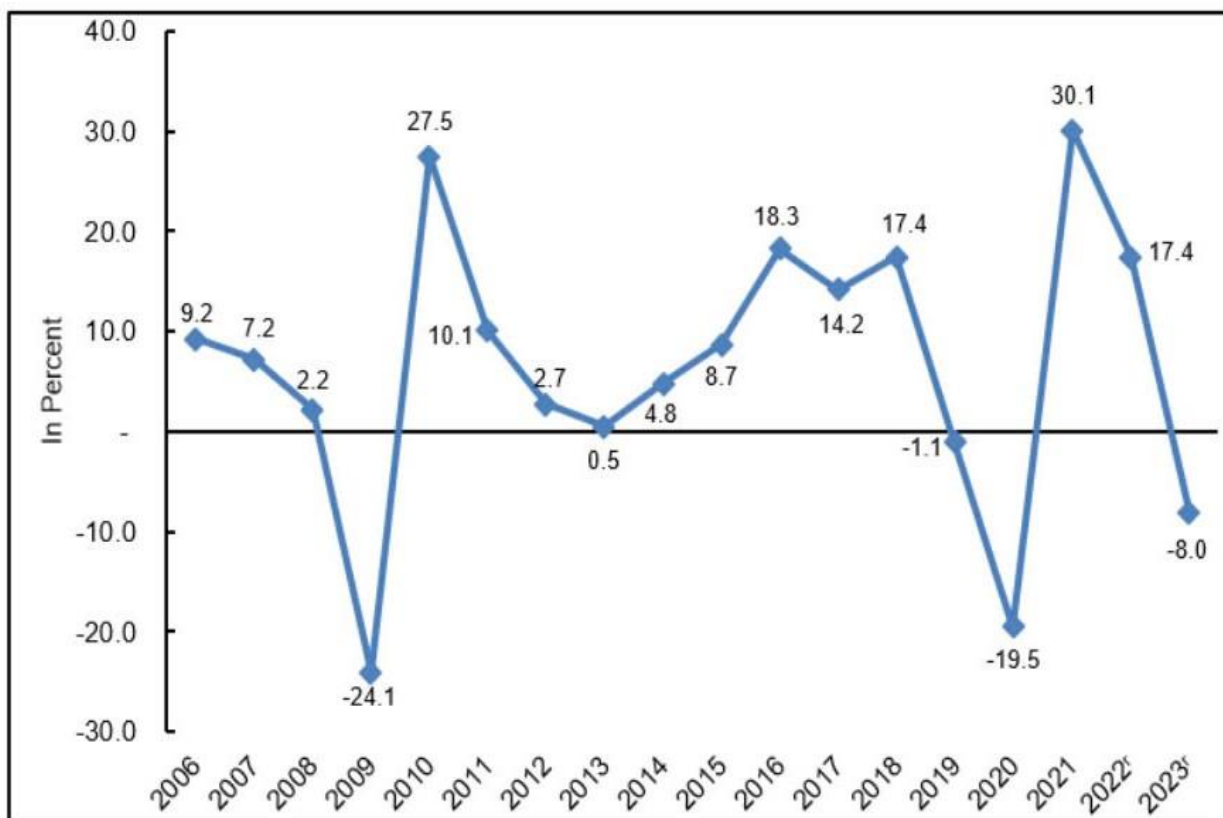
Sectoral employment growth rate (in percent)



2.2. Thị trường và những mặt hàng nhập khẩu chính của Philippines

Với phương châm tập trung phát triển các ngành dịch vụ, sản xuất trong nước còn hạn chế nên hàng năm nhu cầu nhập khẩu của Philippines rất lớn. Các mặt hàng nhập khẩu chính của Philippines bao gồm các sản phẩm điện tử, khoáng sản, phương tiện giao thông, dụng cụ công nghiệp, sắt thép các loại. Năm 2023, tổng kim ngạch nhập khẩu của Philippines là 126,21 tỷ USD, giảm 8% so với mức 137,22 tỷ USD năm 2022. Các năm 2021 và 2022 ghi nhận mức tăng kim ngạch nhập khẩu kỷ lục của Philippines lần lượt là 30,1% và 17,4%.

Tăng trưởng nhập khẩu của Philippines giai đoạn 2006 - 2023



r – revised

Source: Philippine Statistics Authority

Trong giai đoạn 2006 – 2023, kim ngạch nhập khẩu của Philippines có sự biến động lớn, có xu hướng giảm trong giai đoạn năm 2006 – 2009, với mức giảm kỷ lục 24,1% vào năm 2009, nhưng sau đó lại tăng kỷ lục tới mức 27,5% trong năm 2010, để sau đó tiếp tục chu kỳ giảm trong giai đoạn 2011 – 2013 và chu kỳ tăng trong giai đoạn 2014 – 2018, sau đó giảm mạnh trong giai đoạn 2019 – 2020, tăng mạnh trở lại vào năm 2021, sau đó giảm mạnh trong năm 2022 và 2023.

Trong năm 2023, các nhóm mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu vào thị trường Philippines giảm nhiều nhất bao gồm các sản phẩm điện tử giảm 6,11 tỷ USD, tiếp theo là nhóm các sản phẩm nhiên liệu, dầu nhớt và các sản phẩm liên quan với kim ngạch nhập khẩu giảm 3,69 tỷ USD, tiếp đến là sắt, thép với kim ngạch nhập khẩu giảm 1,08 tỷ USD.

Nhóm mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu giảm trong năm 2023

Commodity Groups	FOB Value (in million USD)			Rank in terms of 2023 FOB value
	2022 ^r	2023 ^r	Difference	
1) Electronic Products	32,753.95	26,641.97	-6,111.98	1
2) Mineral Fuels, Lubricants and Related Materials	23,795.48	20,110.23	-3,685.25	2
3) Iron and Steel	5,771.86	4,690.70	-1,081.16	6
4) Organic and Inorganic Chemical	2,878.70	2,212.35	-666.34	15
5) Plastics in Primary and Non-Primary Forms	3,190.03	2,684.00	-506.03	11

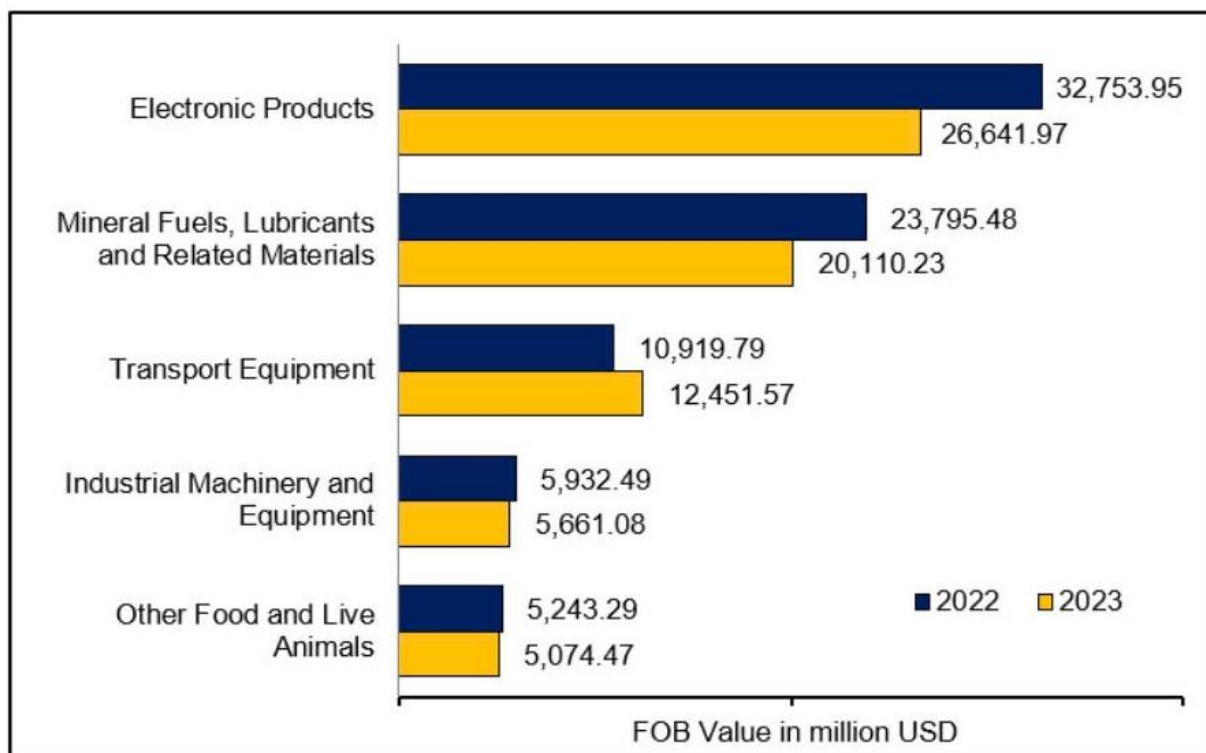
r – revised

Note: Difference may yield different results when computed manually due to rounding.

Source: Philippine Statistics Authority

Trong số các nhóm ngành hàng nhập khẩu, nhóm các sản phẩm điện tử có kim ngạch nhập khẩu cao nhất, năm 2023 đạt 26,64 tỷ USD, chiếm 21,1% trong tổng kim ngạch nhập khẩu. Tiếp theo là các loại nhiên liệu khai khoáng, dầu nhờn và các sản phẩm liên quan với kim ngạch nhập khẩu là 20,11 tỷ USD, chiếm 15,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu, phương tiện giao thông có kim ngạch nhập khẩu 12,45 tỷ USD, chiếm 9,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu.

Kim ngạch nhập khẩu một số nhóm mặt hàng năm 2022-2023

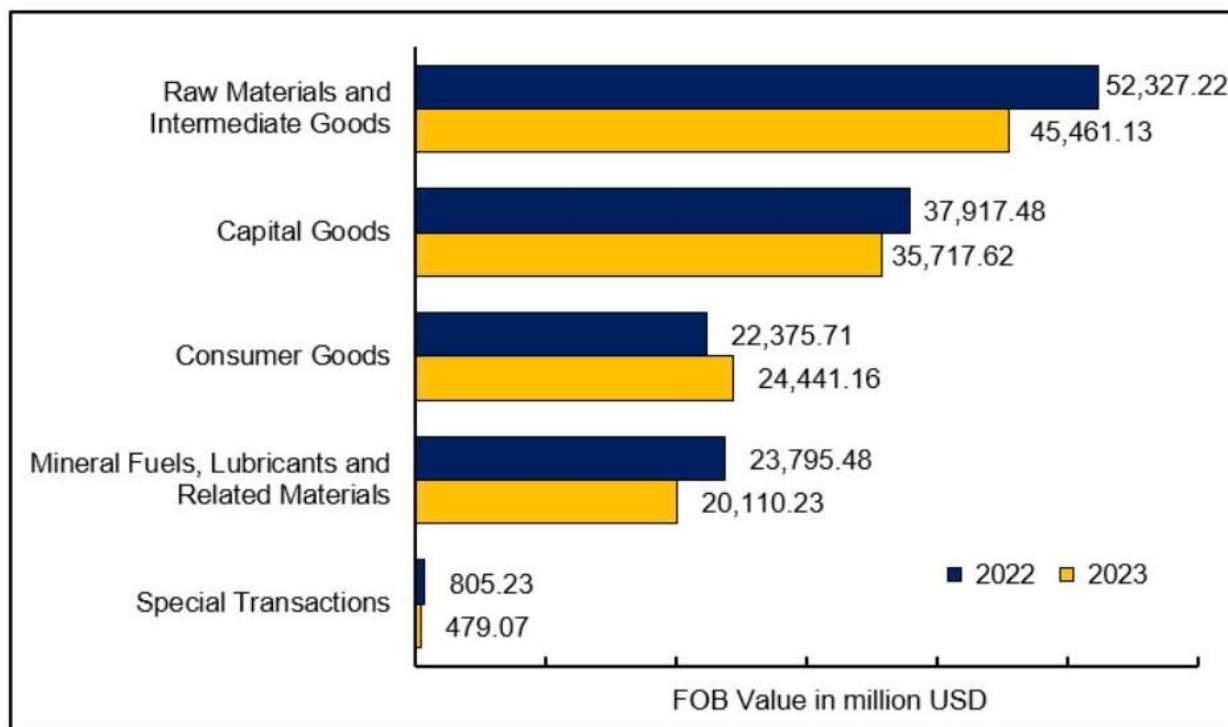


r – revised

Source: Philippine Statistics Authority

Trong số các nhóm mặt hàng nhập khẩu, nhóm hàng nguyên liệu thô và các sản phẩm tiêu dùng ngay chiếm phần lớn trong kim ngạch nhập khẩu, với kim ngạch nhập khẩu năm 2023 là 45,46 tỷ USD, chiếm 36% tổng kim ngạch nhập khẩu. Tiếp đến là nhóm các mặt hàng tư liệu sản xuất (capital goods), với kim ngạch nhập khẩu năm 2023 là 35,72 tỷ USD, chiếm 28,3%; nhóm các mặt hàng tiêu dùng với kim ngạch nhập khẩu 24,44 tỷ USD, chiếm 19,4%.

Kim ngạch nhóm mặt hàng nhập khẩu của Philippines năm 2022-2023



r – revised

Source: Philippine Statistics Authority

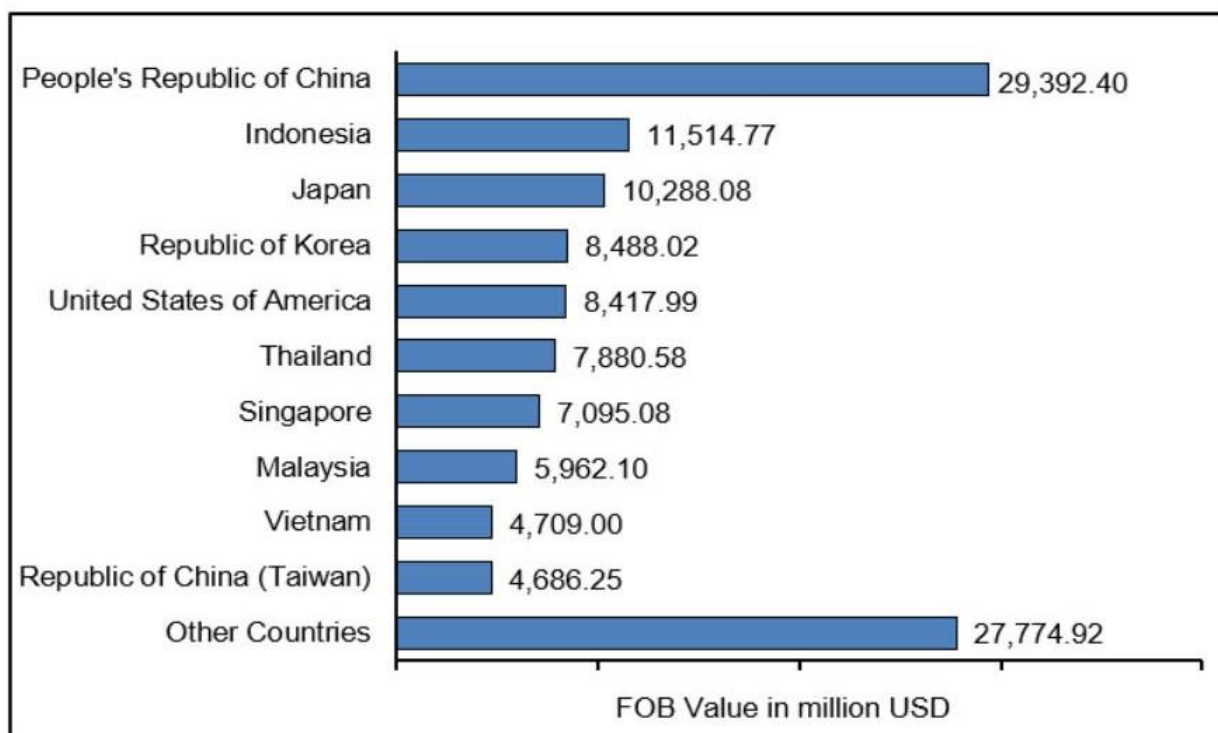
Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Philippines, với kim ngạch nhập khẩu năm 2023 là 29,39 tỷ USD, chiếm 23,3% tổng kim ngạch nhập khẩu. Các thị trường nhập khẩu lớn tiếp theo trong năm 2023 là Indonesia với kim ngạch nhập khẩu đạt 11,51 tỷ USD, chiếm 9,1%; Nhật Bản với kim ngạch nhập khẩu đạt 10,29 tỷ USD, chiếm 8,2%; Hàn Quốc với kim ngạch nhập khẩu đạt 8,49 tỷ USD, chiếm 6,7%; và Mỹ với kim ngạch nhập khẩu đạt 8,42 tỷ USD, chiếm 6,7%.

Việt Nam đứng thứ 9 trong danh sách 10 thị trường nhập khẩu lớn nhất của Philippines trong năm 2023. Philippines nhập khẩu từ Việt Nam khoảng gần 40 mặt hàng/ngành hàng, bao gồm nông sản, thủy hải sản, bánh kẹo, thức ăn chăn nuôi, xi măng, sắt thép, vật liệu xây dựng, hàng dệt may, máy móc, thiết bị... trong đó, mặt hàng gạo, luôn chiếm tỉ trọng lớn. Năm 2022, kim ngạch xuất khẩu của Philippines từ Việt Nam đạt trên 5,1 tỷ USD, tăng 11,6%.

Gạo là mặt hàng nhập khẩu chính của Philippines từ Việt Nam với khối lượng và kim ngạch nhập khẩu năm 2022 lần lượt đạt trên 3,2 triệu tấn và gần 1,5 tỷ USD, chiếm khoảng 85% trong tổng lượng gạo nhập khẩu của Philippines. Năm 2023, kim ngạch nhập khẩu gạo của Philippines từ Việt Nam là 1,75 tỷ USD, tăng 17,6%, khối lượng gạo nhập khẩu đạt 3,1 triệu tấn, giảm 2% so với năm 2022.

Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng khác của Philippines từ Việt Nam năm 2023 bao gồm clanke và xi măng 358,3 triệu USD; các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng 352 triệu USD; phương tiện vận tải và phụ tùng 221 triệu USD; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện 193,7 triệu USD; thủy sản 133,8 triệu USD; cà phê 152,8 triệu USD; hàng dệt may 125,9 triệu USD; sắt thép các loại 111,4 triệu USD; điện thoại các loại 153,2 triệu USD.

Danh sách thị trường lớn và kim ngạch nhập khẩu của Philippines năm 2023



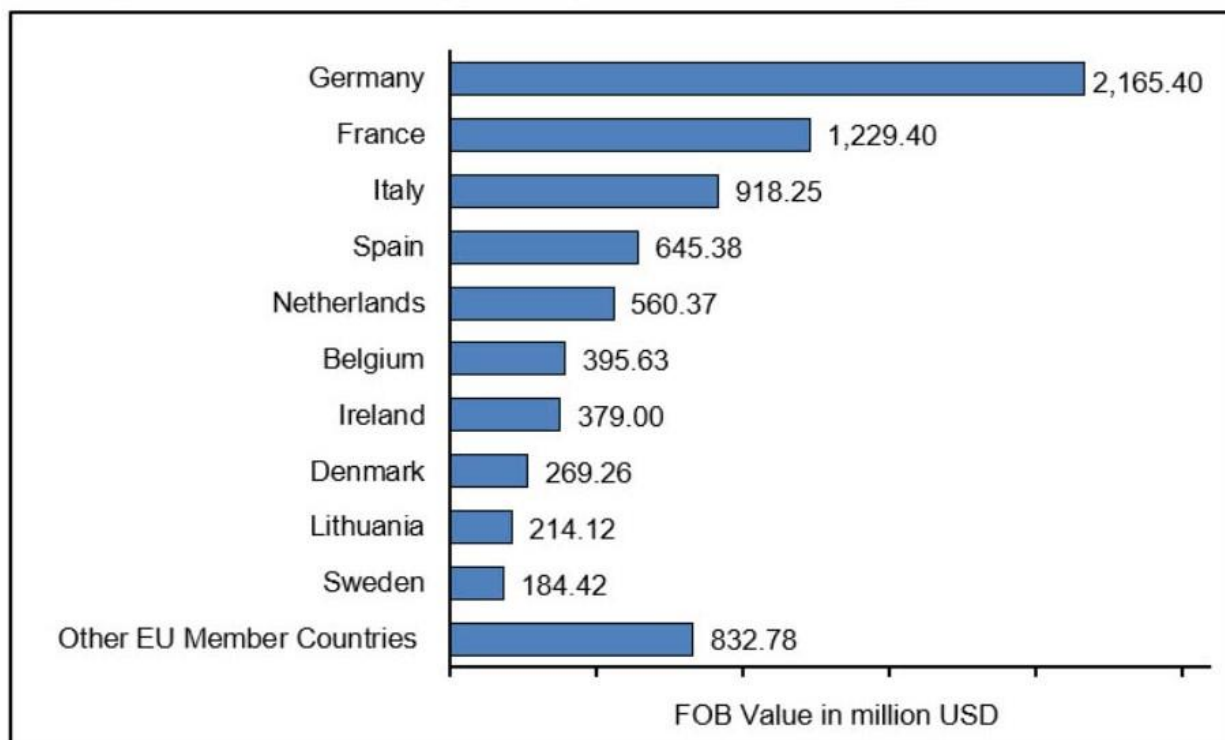
r – revised

Source: Philippine Statistics Authority

Năm 2023, kim ngạch nhập khẩu của Philippines từ khối các nước EU là 7,79 tỷ USD chiếm 6,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu. Đức là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Philippines trong khối EU, với kim ngạch nhập khẩu năm 2023 đạt 2,17 tỷ USD, chiếm 27,8% trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ khối này. Các sản phẩm nhập khẩu chính từ thị trường EU bao gồm sản phẩm điện tử với kim ngạch 1,36 tỷ USD, chiếm 17,4% trong kim ngạch nhập khẩu; phương tiện vận tải với kim ngạch nhập khẩu 1,18 tỷ USD, chiếm 15,1% trong tổng kim ngạch nhập khẩu; dược phẩm và thuốc với kim ngạch nhập khẩu 853,15 triệu USD, chiếm 10,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu; máy công nghiệp và linh kiện với kim ngạch nhập khẩu 654,55 triệu USD, chiếm 8,4% trong tổng kim ngạch nhập khẩu; thực phẩm khác và động vật với kim ngạch nhập khẩu 548,52 triệu USD, chiếm 7,0% trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ khối các nước EU.

Nhập khẩu của Philippines từ các nước trong Asean, năm 2023, đạt 37,68 tỷ USD, chiếm 29,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu. Hầu hết các sản phẩm nhập khẩu được nhập từ thị trường Indonesia với kim ngạch nhập khẩu năm 2023 đạt 11,51 tỷ USD, chiếm 30,6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ Asean.

Nhập khẩu của Philippines từ thị trường các nước EU năm 2023

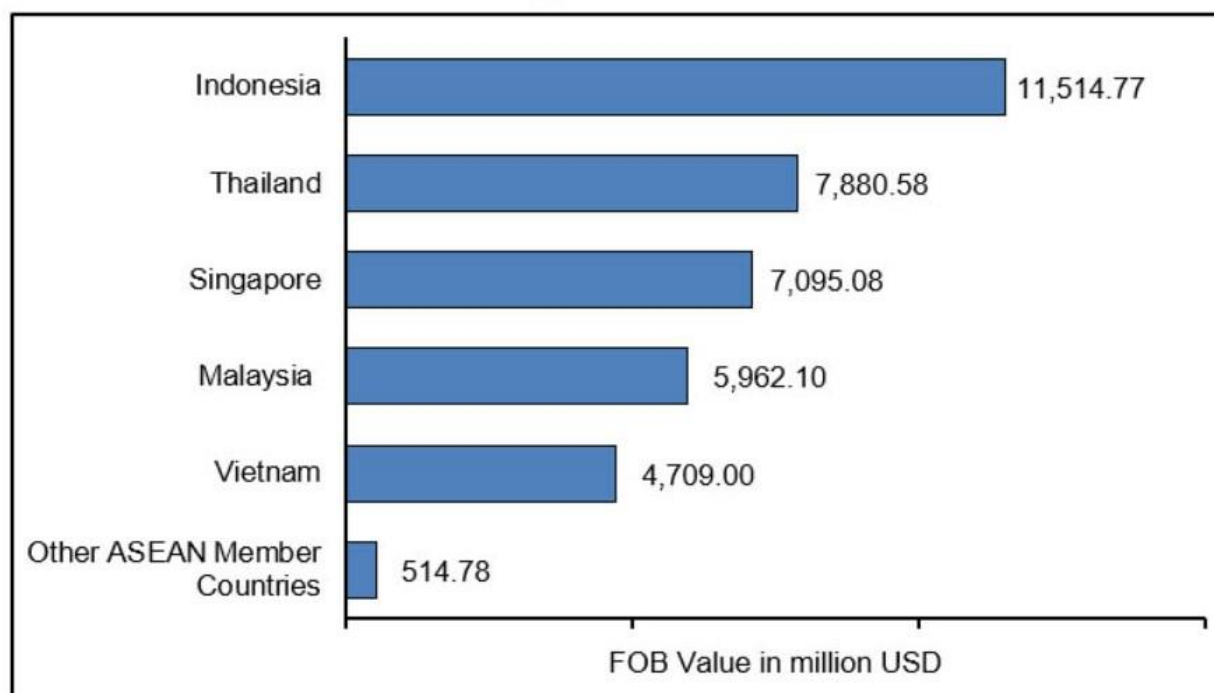


1/ - includes Austria, Belgium, Bulgaria, Croatia, Cyprus, Czech Republic, Denmark, Estonia, Finland, France, Germany, Greece, Hungary, Ireland, Italy, Latvia, Lithuania, Luxembourg, Malta, Netherlands, Poland, Portugal, Romania, Slovakia, Slovenia, Spain, and Sweden

r – revised

Source: Philippine Statistics Authority

Nhập khẩu của Philippines từ thị trường các nước Asean năm 2023



1/ – includes Brunei Darussalam, Cambodia, Indonesia, Lao People's Democratic Republic, Malaysia, Myanmar, Singapore, Thailand, and Vietnam

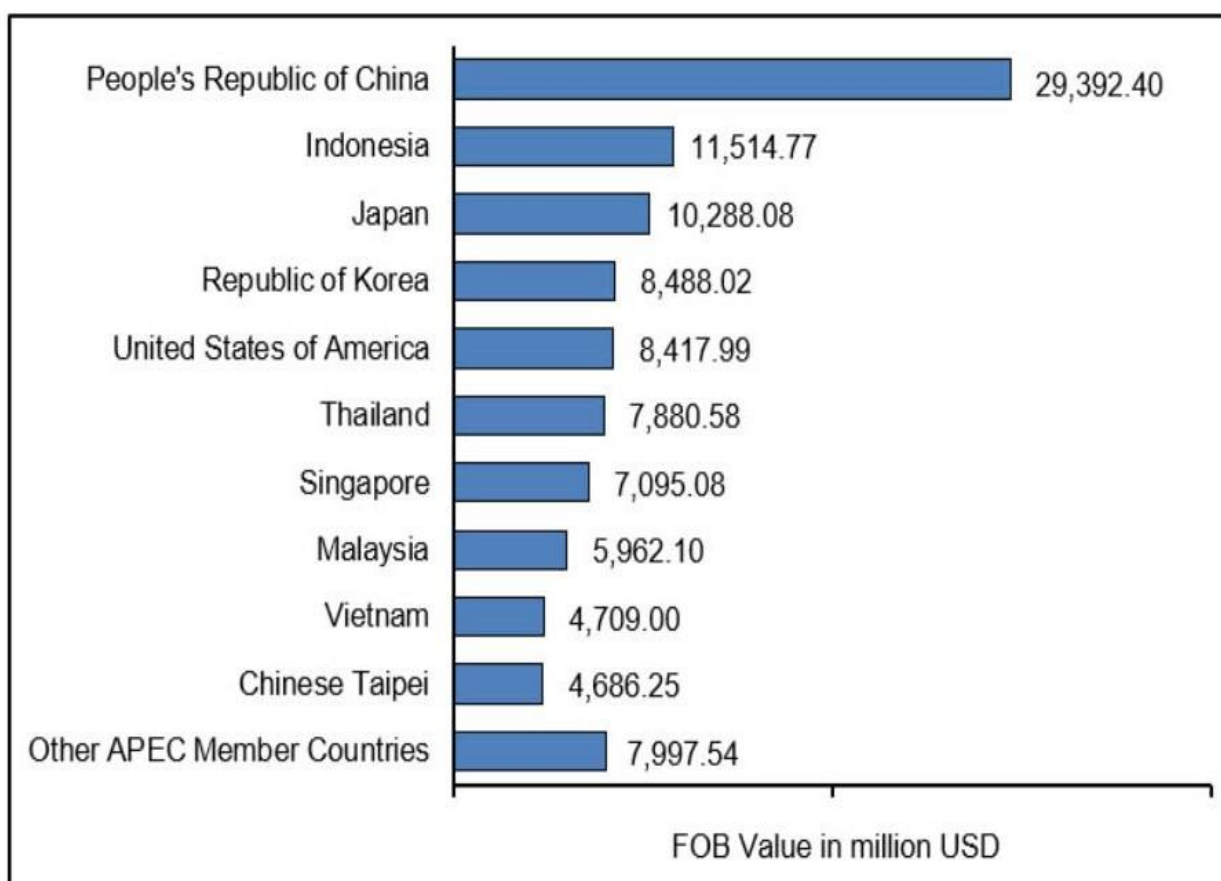
r – revised

Source: Philippine Statistics Authority

Nhóm 5 mặt hàng nhập khẩu lớn nhất của Philippines từ thị trường các nước Asean năm 2023 bao gồm nhiên liệu khai khoáng, dầu nhờn và sản phẩm liên quan với kim ngạch nhập khẩu 7,7 tỷ USD, chiếm 20,4% kim ngạch nhập khẩu. Tiếp theo là phương tiện vận tải với kim ngạch nhập khẩu 7,34 tỷ USD, chiếm 19,5% tổng kim ngạch nhập khẩu; sản phẩm điện tử với kim ngạch nhập khẩu 5,41 tỷ USD, chiếm 14,4% trong tổng kim ngạch nhập khẩu; thực phẩm khác và động vật sống với kim ngạch nhập khẩu 2,32 tỷ USD, chiếm 1,87% trong tổng kim ngạch nhập khẩu.

Nhập khẩu của Philippines từ thị trường các nước thuộc khối APEC năm 2023 đạt 106,43 tỷ USD, chiếm 84,3% trong tổng kim ngạch nhập khẩu. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Philippines trong khối APEC, với kim ngạch nhập khẩu 29,39 tỷ USD, chiếm 27,6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ khối APEC.

Kim ngạch nhập khẩu năm 2023 của Philippines từ các nước APEC

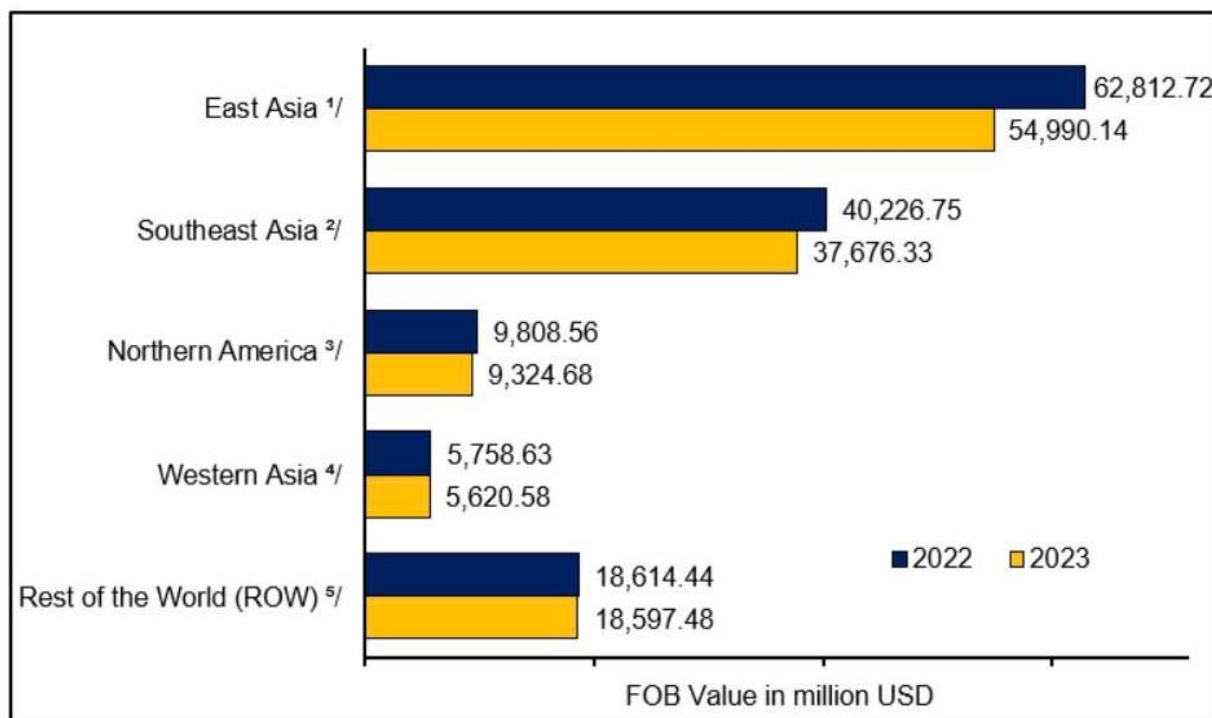


1/ – includes Australia, Brunei Darussalam, Canada, Chile, Chinese Taipei, Hong Kong, Indonesia, Japan, Malaysia, Mexico, New Zealand, Papua New Guinea, People's Republic of China, Peru, Republic of Korea, Russia, Singapore, Thailand, United States of America, and Vietnam

Nhóm mặt hàng nhập khẩu của Philippines có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất từ các nước thuộc khối APEC năm 2023 là nhóm sản phẩm điện tử với kim ngạch nhập khẩu 24,7 tỷ USD, chiếm 23,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ thị trường các nước thuộc khối APEC.

Tiếp theo là nhóm mặt hàng nhiên liệu khai khoáng, dầu nhờn và các sản phẩm liên quan với kim ngạch nhập khẩu 15,07 tỷ USD, chiếm 14,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu; phương tiện vận tải với kim ngạch nhập khẩu 10,82 tỷ USD, chiếm 10,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu; máy công nghiệp và phương tiện với kim ngạch nhập khẩu 4,77 tỷ USD, chiếm 4,5% trong tổng kim ngạch nhập khẩu; sắt thép với kim ngạch nhập khẩu 4,47 tỷ USD, chiếm 4,2% trong tổng kim ngạch nhập khẩu từ khối các nước APEC.

Nhập khẩu của Philippines năm 2023 từ các khu vực thị trường



1/- includes Hong Kong, Japan, Macau, Mongolia, People's Republic of China, Republic of Korea, and Republic of China (Taiwan)

2/- includes Brunei Darussalam, Cambodia, Indonesia, Lao People's Democratic Republic, Malaysia, Myanmar, Singapore, Thailand, Timor-Leste, and Vietnam

3/- includes Alaska, Bermuda, Canada, Greenland, Saint Pierre and Miquelon, and United States of America

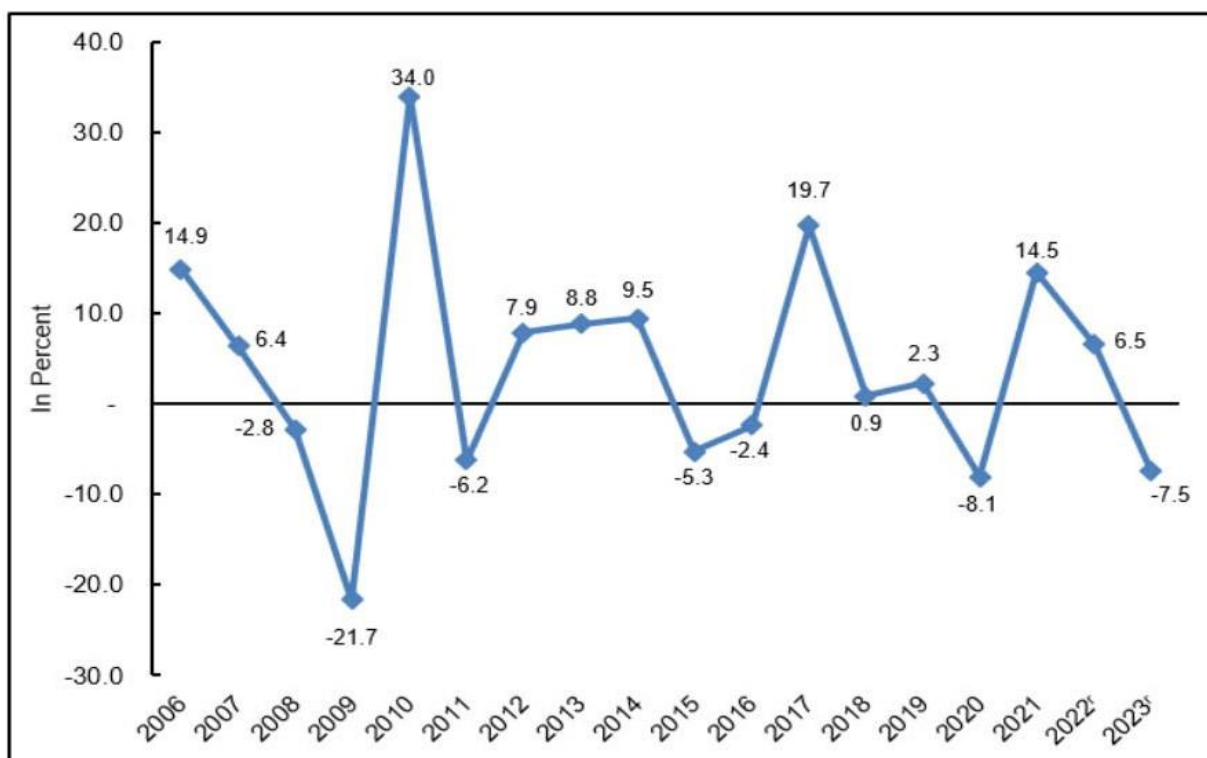
4/- includes Armenia, Azerbaijan, Bahrain, Cyprus, Georgia, Iraq, Israel, Jordan, Kuwait, Lebanon, Oman,

Kim ngạch nhập khẩu của Philippines năm 2023 từ thị trường các nước thuộc khu vực Đông Á là lớn nhất, với tổng kim ngạch đạt 54,99 tỷ USD, chiếm 43,6% trong tổng kim ngạch nhập khẩu. Tiếp theo là thị trường các nước khu vực Đông Nam Á với tổng kim ngạch nhập khẩu 37,68 tỷ USD, chiếm 29,9% trong tổng kim ngạch nhập khẩu.

2.3. Thị trường và những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Philippines

Kim ngạch xuất khẩu của Philippines năm 2023 là 73,62 tỷ USD, giảm 7,5% so với mức 79,57 tỷ USD của năm 2022. Năm 2022 và 2021, xuất khẩu hàng hóa của Philippines ghi nhận các mức tăng trưởng cao lần lượt là 6,5% và 14,5%. Có thể thấy, trong giai đoạn 2006 – 2023, xuất khẩu hàng hóa của Philippines không ổn định, biên độ tăng, giảm lớn, giảm 21,7% vào năm 2009 nhưng lại tăng đột biến 34% vào năm 2010, giảm 8,1% vào năm 2020 nhưng lại tăng 14,5% vào năm 2021.

Biểu tăng trưởng xuất khẩu của Philippines giai đoạn 2006 - 2023



r – revised

Source: Philippine Statistics Authority

Nhóm những mặt hàng xuất khẩu của Philippines có kim ngạch xuất khẩu năm 2023 giảm lớn nhất so với năm 2022 bao gồm nhóm sản phẩm điện tử, với tổng kim ngạch xuất khẩu giảm 4,25 tỷ USD so với năm 2022.

Biểu 5 nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu năm 2023 giảm lớn nhất so với năm 2022

Commodity Groups	FOB Value (in million USD)			Rank in terms of 2023 FOB value
	2022 ^r	2023 ^r	Difference	
1) Electronic Products	46,154.66	41,908.76	-4,245.90	1
2) Coconut Oil ^{1/}	2,100.05	1,179.47	-920.58	10
3) Other Mineral Products	3,839.82	3,123.53	-716.30	3
4) Miscellaneous Manufactured Articles, n.e.s.	860.05	662.23	-197.82	17
5) Articles of Apparel and Clothing Accessories	853.79	705.63	-148.16	16

^{1/} - includes crude and refined

n.e.s. - Not Elsewhere Specified

r - revised

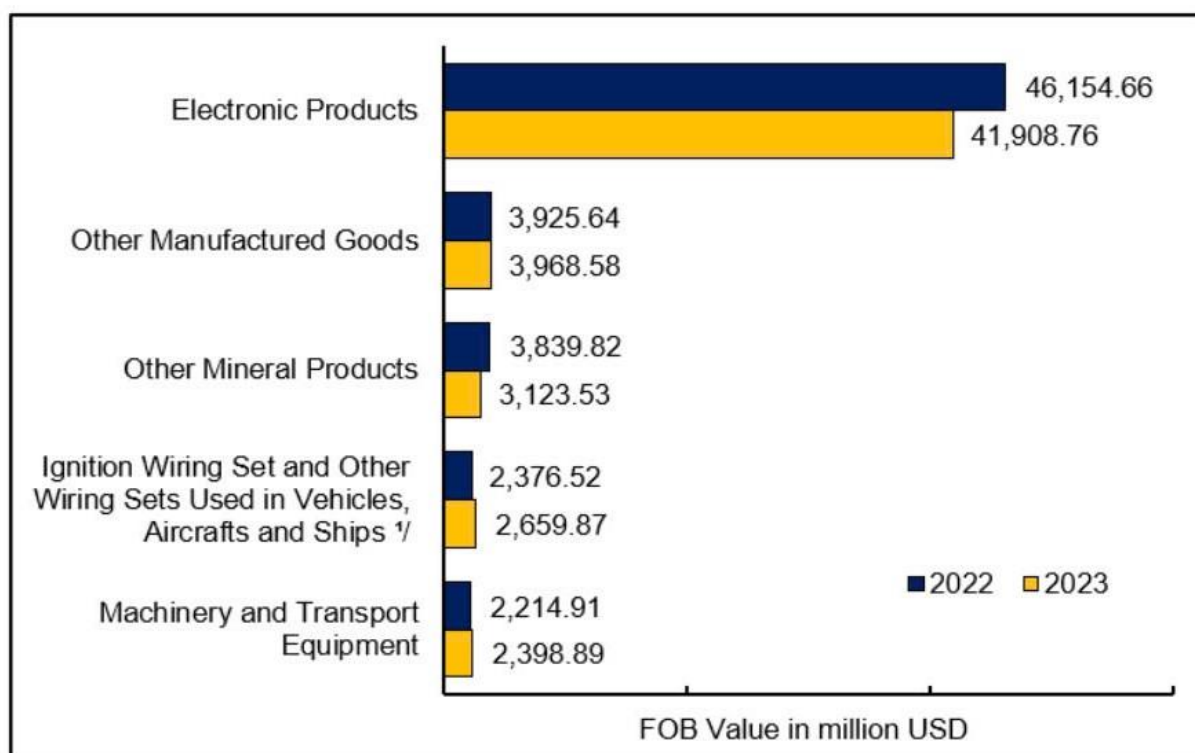
Note: Difference may yield different results when computed manually due to rounding.

Source: Philippine Statistics Authority

Tiếp đến là dầu dừa giảm 920,58 triệu USD so với năm 2022, và khoáng sản giảm 716,30 triệu USD so với năm 2022. Đối với nhóm mặt hàng nông sản, các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Philippines bao gồm dầu dừa và các sản phẩm từ dừa, chuối tươi, xoài. Giá trị xuất khẩu dầu dừa và các sản phẩm từ dừa hàng năm của Philippines đạt trên 2 tỷ USD. Và hiện nay có khoảng 25 triệu người Philippines sống phụ thuộc vào cây dừa.

Nhóm sản phẩm điện tử luôn là nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Philippines, với tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2023 đạt 41,91 tỷ USD, chiếm 56,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Tiếp theo là các sản phẩm sản xuất/chế tạo khác với kim ngạch xuất khẩu đạt 3,97 tỷ USD, chiếm 5,4% trong tổng kim ngạch xuất khẩu; và tiếp theo là nhóm các sản phẩm khai khoáng khác đạt 3,12 tỷ USD, chiếm 4,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu.

Nhóm 5 mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Philippines năm 2022 và 2023



1/ – consists only of electrical wiring harness for motor vehicles

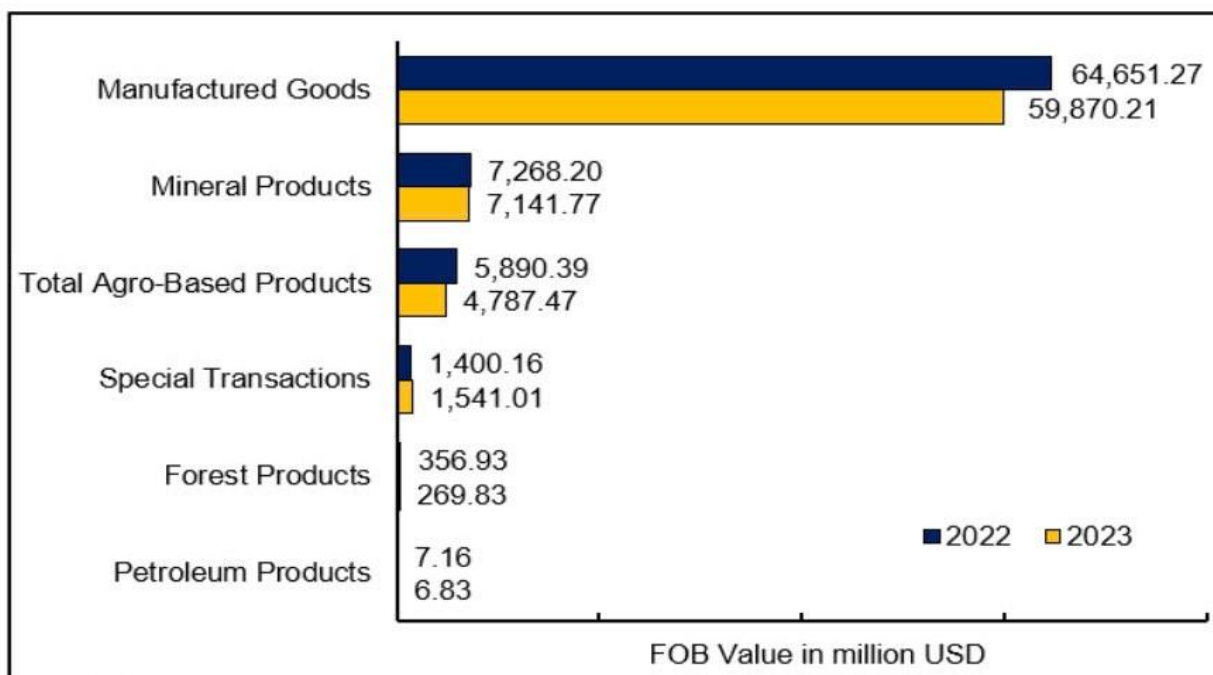
r – revised

Source: Philippine Statistics Authority

Nhóm ngành các sản phẩm chế tạo đóng góp lớn nhất trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Philippines, với kim ngạch xuất khẩu năm 2023 đạt 59,87%, chiếm 81,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu.

Tiếp theo là nhóm ngành các sản phẩm khai khoáng với kim ngạch xuất khẩu năm 2023 đạt 7,14 tỷ USD, chiếm 9,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, và nhóm ngành các mặt hàng nông sản với kim ngạch xuất khẩu năm 2023 đạt 4,79 tỷ USD, chiếm 5,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu.

Nhóm ngành hàng xuất khẩu lớn nhất của Philippines năm 2022 - 2023



r – revised

Source: Philippine Statistics Authority

Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Philippines với kim ngạch xuất khẩu năm 2023 đạt 11,56 tỷ USD, chiếm 15,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Các thị trường xuất khẩu lớn tiếp theo là Trung Quốc, với kim ngạch xuất khẩu năm 2023 đạt 10,93 tỷ USD, chiếm 14,8%; Nhật Bản, với kim ngạch xuất khẩu năm 2023 đạt 10,46 tỷ USD, chiếm 14,2%; Hồng Kông, với kim ngạch xuất khẩu năm 2023 đạt 8,84 tỷ USD, chiếm 12%, và Hàn Quốc, với kim ngạch xuất khẩu năm 2023 đạt 3,53 tỷ USD, chiếm 4,8%.

Các thị trường xuất khẩu lớn của Philippines năm 2023

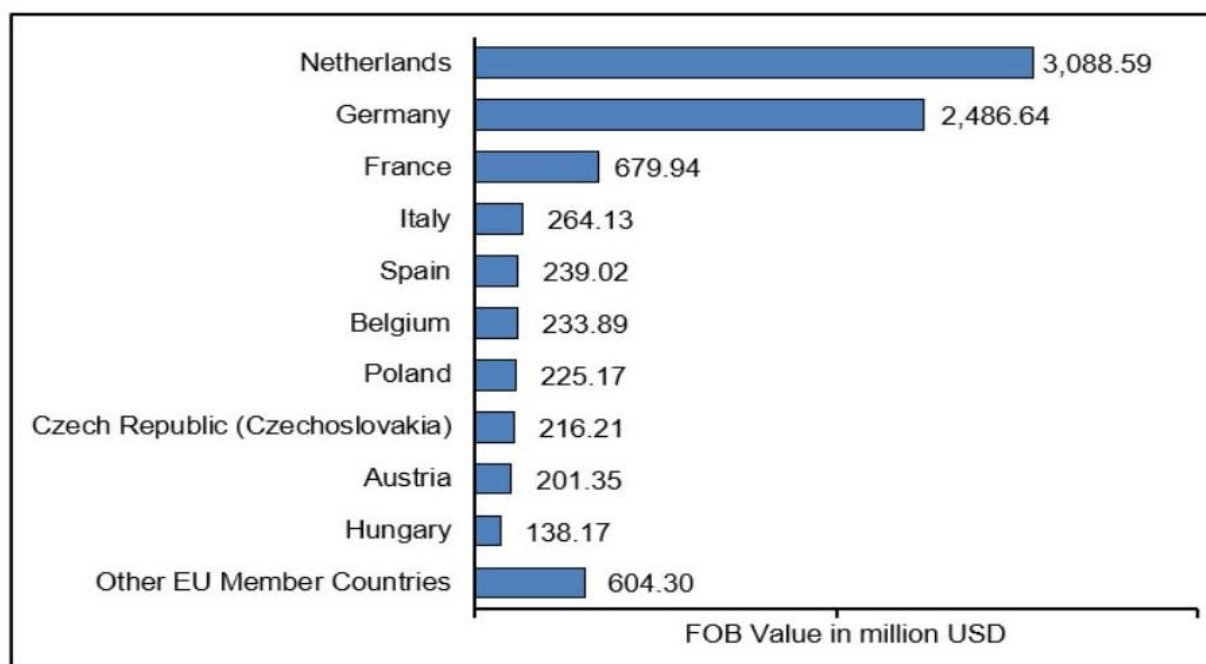


r – revised

Source: Philippine Statistics Authority

Xuất khẩu của Philippines sang thị trường EU năm 2023 đạt 8,38 tỷ USD, chiếm 11,4% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu năm 2023 của Philippines sang thị trường Netherlands là lớn nhất, đạt 3,09 tỷ USD, chiếm 36,9% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang EU. Các sản phẩm xuất khẩu của Philippines sang thị trường EU đạt kim ngạch lớn nhất năm 2023 bao gồm các sản phẩm điện tử đạt 5,92 tỷ USD, chiếm 70,7%; sản phẩm dầu dừa đạt 597,36 triệu USD, chiếm 7,1%; sản phẩm chế biến khác đạt 288,56 triệu USD, chiếm 3,4%; máy móc và phương tiện giao thông đạt 209,55 triệu USD, chiếm 2,5%; cá hồi đạt 203,22 triệu USD, chiếm 2,4%.

Xuất khẩu của Philippines sang khối các nước EU năm 2023



1/- includes Austria, Belgium, Bulgaria, Croatia, Cyprus, Czech Republic, Denmark, Estonia, Finland, France, Germany, Greece, Hungary, Ireland, Italy, Latvia, Lithuania, Luxembourg, Malta, Netherlands, Poland, Portugal, Romania, Slovakia, Slovenia, Spain, and Sweden

r – revised

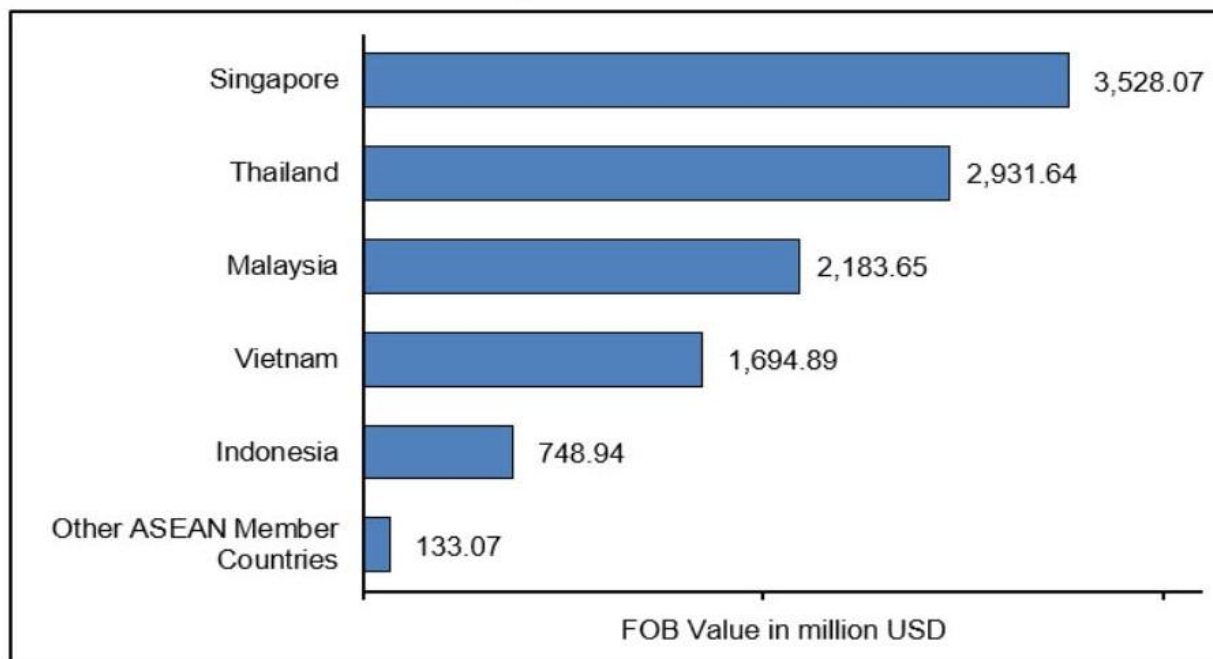
Source: Philippine Statistics Authority

Tổng kim ngạch xuất khẩu của Philippines sang các nước Asean năm 2023 đạt 11,22 tỷ USD, chiếm 15,2% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Singapore là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Philippines, với kim ngạch xuất khẩu năm 2023 đạt 3,53 tỷ USD, chiếm 31,4% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang các nước Asean. Các sản phẩm chủ lực xuất khẩu sang các nước Asean năm 2023 bao gồm sản phẩm điện tử với kim ngạch đạt 7,11 tỷ USD, chiếm 63,3%; điện cực đồng với kim ngạch đạt 865.80 triệu USD, chiếm 7,7%; các sản phẩm chế tạo khác với kim ngạch xuất khẩu đạt 672,05 triệu USD, chiếm 6,0%; máy móc và thiết bị giao thông với kim ngạch xuất khẩu đạt 397,86 triệu USD, chiếm 3,5%; các sản phẩm, dụng cụ cơ khí với kim ngạch xuất khẩu đạt 393,20 triệu USD, chiếm 3,5%.

Các mặt hàng xuất khẩu của Philippines sang thị trường Việt Nam gồm hàng thủy sản; sữa và sản phẩm sữa; bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc; chế phẩm thực phẩm khác; thức ăn gia súc và nguyên liệu; nguyên phụ liệu thuốc lá; sản phẩm hóa chất; dược phẩm; phân bón các loại; chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; chất

đeo nguyên liệu; sản phẩm từ chất dẻo; sản phẩm từ cao su; giấy các loại; vải các loại; phế liệu sắt thép; sắt thép các loại; sản phẩm từ sắt thép; kim loại thường khác; sản phẩm từ kim loại thường khác; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; dây điện và dây cáp điện; linh kiện phụ tùng ô tô. Trong số các mặt hàng này, nhóm mặt hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện là nhóm mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Philippines sang Việt Nam.

Xuất khẩu của Philippines sang các nước Asean năm 2023



1/ – includes Brunei Darussalam, Cambodia, Indonesia, Lao People's Democratic Republic, Malaysia, Myanmar, Singapore, Thailand, and Vietnam

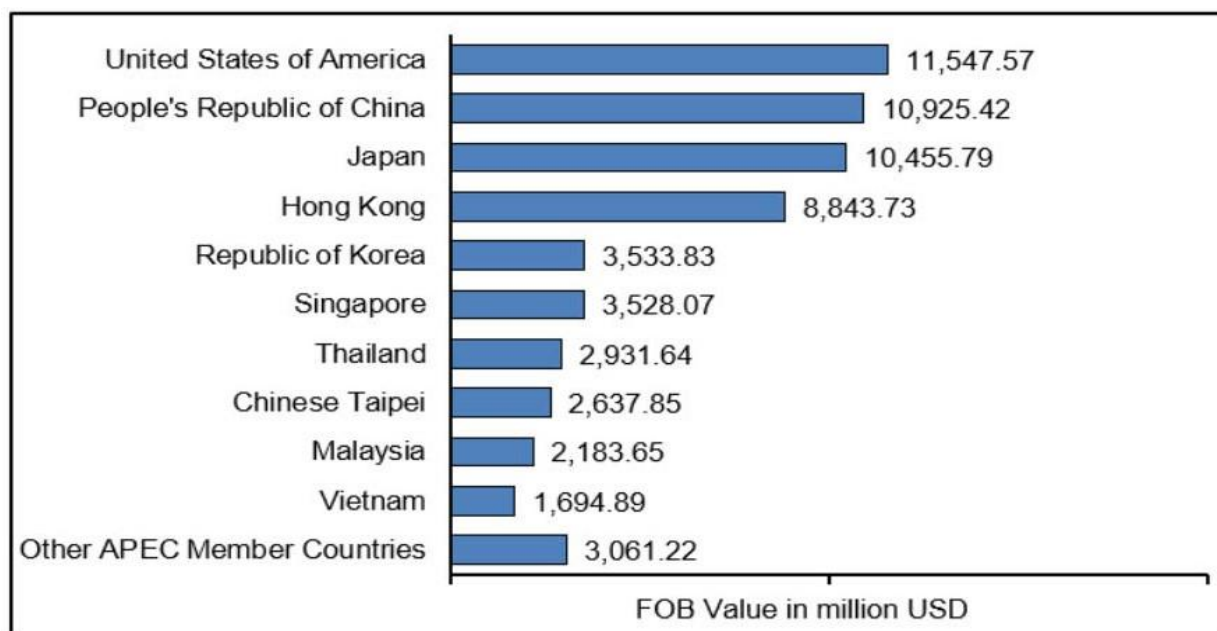
r – revised

Source: Philippine Statistics Authority

Năm 2023, một số nhóm mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch lớn của Philippines sang Việt Nam bao gồm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đạt 1,63 tỷ USD; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng đạt 277,7 triệu USD; kim loại thường đạt 174,2 triệu USD; điện và dây cáp điện đạt 88,9 triệu USD; thủy sản đạt 40,4 triệu USD; linh kiện phụ tùng ô tô đạt 20 triệu USD; bánh kẹo, thức ăn gia súc...v.v.

Xuất khẩu của Philippines sang các nước APEC năm 2023 đạt 61,34 tỷ USD, chiếm 83,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Mỹ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Philippines trong khối các nước APEC, với kim ngạch xuất khẩu năm 2023 đạt 11,55 tỷ USD, chiếm 18,8% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang các nước APEC. Các sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Philippines sang các nước APEC năm 2023 bao gồm sản phẩm điện tử với kim ngạch xuất khẩu đạt 34,76 tỷ USD, chiếm 56,7%; sản phẩm chế tạo khác với kim ngạch xuất khẩu đạt 3,2 tỷ USD, chiếm 5,2%; sản phẩm khai khoáng khác với kim ngạch xuất khẩu đạt 3,02 tỷ USD, chiếm 4,9%; bộ dẫn điện dùng cho các phương tiện giao thông, máy bay, tàu thủy với kim ngạch xuất khẩu đạt 2,64 tỷ USD, chiếm 4,3%; và máy móc, phương tiện giao thông với kim ngạch đạt 2,01 USD, chiếm 3,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu sang APEC.

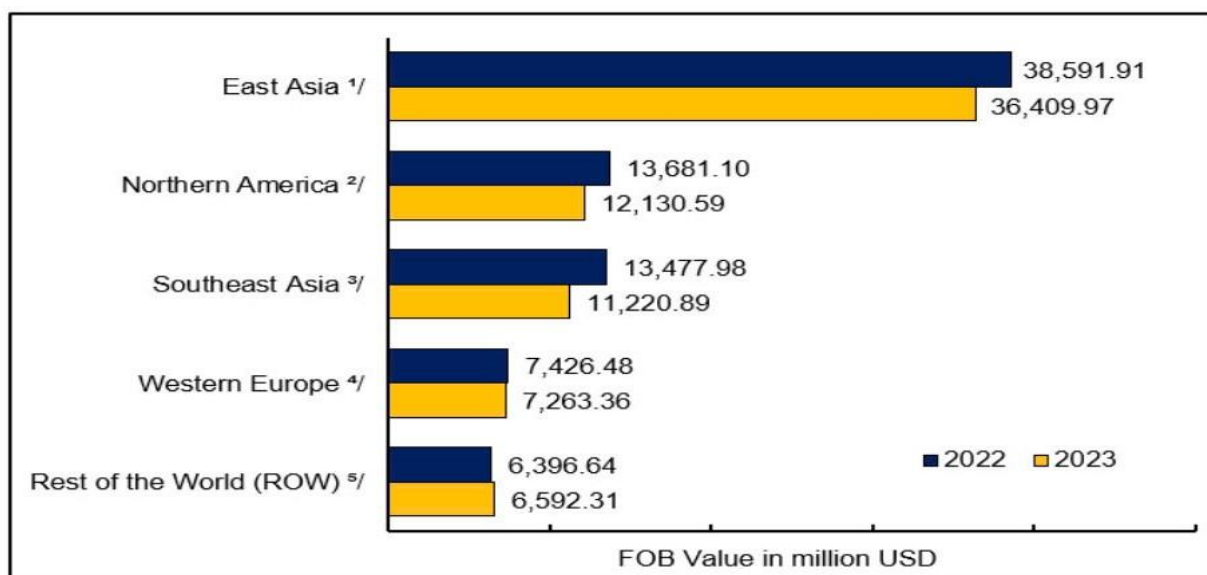
Xuất khẩu của Philippines sang các nước APEC năm 2023



1/- includes Australia, Brunei Darussalam, Canada, Chile, Chinese Taipei, Hong Kong, Indonesia, Japan, Malaysia, Mexico, New Zealand, Papua New Guinea, People's Republic of China, Peru, Republic of Korea, Russia, Singapore, Thailand, United States of America, and Vietnam

Về khu vực địa lý, khu vực Đông Á là khu vực thị trường xuất khẩu lớn nhất của Philippines, với kim ngạch xuất khẩu năm 2023 đạt 36,41 tỷ USD, chiếm 49,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Tiếp theo là khu vực Bắc Mỹ với kim ngạch xuất khẩu đạt 12,13 tỷ USD, chiếm 16,5%; và Đông Nam châu Á với kim ngạch xuất khẩu đạt 11,22 tỷ USD, chiếm 15,2%.

Xuất khẩu của Philippines sang các khu vực thị trường năm 2023



1/- includes Hong Kong, Japan, Macau, Mongolia, People's Republic of China, Republic of Korea, and Republic of China (Taiwan)

2/- includes Alaska, Bermuda, Canada, Greenland, Saint Pierre and Miquelon, and United States of America

3/- includes Brunei Darussalam, Cambodia, Indonesia, Lao People's Democratic Republic, Malaysia, Myanmar, Singapore, Thailand, Timor-Leste, and Vietnam

4/- includes Austria, Belgium, France, Germany, Liechtenstein, Luxembourg, Monaco, Netherlands, Netherlands Antilles, and Switzerland

5/- includes all other countries not included in the Top 4 geographic regions in 2023

PHẦN 3

ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG XUẤT KHẨU HÀNG HÓA CỦA VIỆT NAM VÀO THỊ TRƯỜNG PHILIPPINES

3.1. Tiềm năng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Philippines

Năm 2021, Việt Nam và Philippines kỷ niệm 45 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và sáu năm thiết lập quan hệ đối tác chiến lược. Với những đặc điểm kinh tế - xã hội mang tính đặc trưng sau đây cho thấy Philippines là thị trường có nhiều tiềm năng cho xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam.

Thứ nhất, về quy mô dân số, Philippines là một trong số các quốc gia Asean có quy mô dân số lớn, tính đến năm 2023 đạt khoảng gần 120 triệu người, đứng thứ 13 trên thế giới, thứ 7 châu Á và thứ hai trong Asean. Năm 2021, theo số liệu của WorldBank, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Philippines đạt 394 tỷ đô la Mỹ. Năm 2020, GDP bình quân đầu người của Philippines đạt trên 3.500 đô la Mỹ.

Thứ hai, xã hội có sự phân hóa nên Philippines là thị trường mà người tiêu dùng có sự phân hóa với nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ rất đa dạng (đa dạng về các loại sản phẩm, mẫu mã, chất lượng...) không đòi hỏi quá cao hay quá khắt khe trong tiêu thụ các loại sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

Thứ ba, mặc dù người theo Đạo thiên chúa giáo chiếm số đông nhưng về cơ bản các tập quán, thị hiếu tiêu dùng tại Philippines có nhiều nét tương đồng với Việt Nam (đặc biệt sử dụng gạo, các loại thực phẩm, hoa quả tươi sống trong đời sống sinh hoạt hàng ngày).

Thứ tư, sản xuất các sản phẩm hàng hóa, kể từ các sản phẩm nông nghiệp cho đến các sản phẩm công cụ, máy móc, điện máy, vật liệu xây dựng, sản phẩm công nghệ cao...còn hạn chế. Đặc biệt, trong điều kiện nhu cầu tiêu thụ trong nước lớn nên tạo nên áp lực mở cửa thị trường cho các loại hàng hóa nhập khẩu, đặc biệt là thị trường các sản phẩm lương thực (bảo đảm an ninh lương thực trong nước).

Từ những đặc điểm trên, cùng với nhiều yếu tố khác như khoảng cách địa lý, nét tương đồng về văn hóa tiêu dùng...làm cho Philippines trở thành một thị trường có nhiều tiềm năng cho các sản phẩm hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, cả ở hiện tại và trong tương lai.

Trong giai đoạn 2010 - 2020, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và Philippines tăng hơn hai lần, từ 2,4 tỷ USD năm 2010 lên 5,3 tỷ USD năm 2020, với tốc độ tăng trưởng trung bình 10% mỗi năm, cơ cấu mặt hàng ngày càng đa dạng. Năm 2021, kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều của Việt Nam và Philippines đã đạt trên 7 tỷ USD. Năm 2022: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều giữa Việt Nam và Philippines đạt trên 7,8 tỷ USD, tăng hơn 14,7% so với năm 2021. Trong đó, xuất khẩu 5,1 tỷ USD, tăng 11,6% và nhập khẩu 2,7 tỷ USD tăng 12,8%, xuất siêu trên

2,4 tỷ USD. Năm 2023: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hai chiều giữa Việt Nam và Philippines đạt 7,8 tỷ USD, tương đương năm trước. Trong đó, xuất khẩu 5,15 tỷ USD, tăng 1% so với năm trước, nhập khẩu 2,65 tỷ USD, giảm 2% so với năm trước, xuất siêu 2,5 tỷ USD, tăng 4,2% so với năm trước.

Việt Nam đang là nhà cung cấp uy tín, chất lượng cho đối tác Philippines nhiều sản phẩm, mặt hàng nông nghiệp (gạo, cà phê, hạt tiêu), thủy sản, bánh kẹo..., và các sản phẩm công nghiệp chế tạo, xây dựng như clanhke và xi măng, điện thoại, gạch ốp lát, sắt thép, dây và cáp điện, dệt may, giày dép... Philippines là bạn hàng truyền thống và là thị trường quan trọng đối với mặt hàng gạo của Việt Nam.

Mặc dù kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Philippines không ngừng tăng lên trong những năm qua nhưng chưa tương xứng với tiềm năng của hai nước. Đặc biệt, với nhu cầu nhập khẩu hàng năm của Philippines đạt trên 100 tỷ USD đến 130 tỷ USD thì kim ngạch xuất khẩu hàng hóa hàng năm của Việt Nam sang thị trường Philippines ở mức khoảng 5 tỷ USD là con số rất nhỏ, chỉ chiếm khoảng 5%. Vì vậy còn nhiều cơ hội cho hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này.

Hiện đang có tổng số khoảng gần 40 mặt hàng/ngành hàng của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Philippines, bao gồm những mặt hàng/ngành hàng quan trọng như nông sản, thủy hải sản, bánh kẹo, thức ăn chăn nuôi, xi măng, sắt thép, vật liệu xây dựng, hàng dệt may, máy móc, thiết bị... trong đó, mặt nông sản, đặc biệt gạo, luôn chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam sang Philippines. Tuy nhiên, có thể thấy cơ cấu các mặt hàng/ngành hàng xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Philippines còn hạn chế, còn nhiều khả năng mở rộng sang các nhóm ngành hàng/mặt hàng mà Việt Nam còn đang có thế mạnh, như thuốc, dược phẩm, vắc xin hay các sản phẩm chế biến, chế tạo.

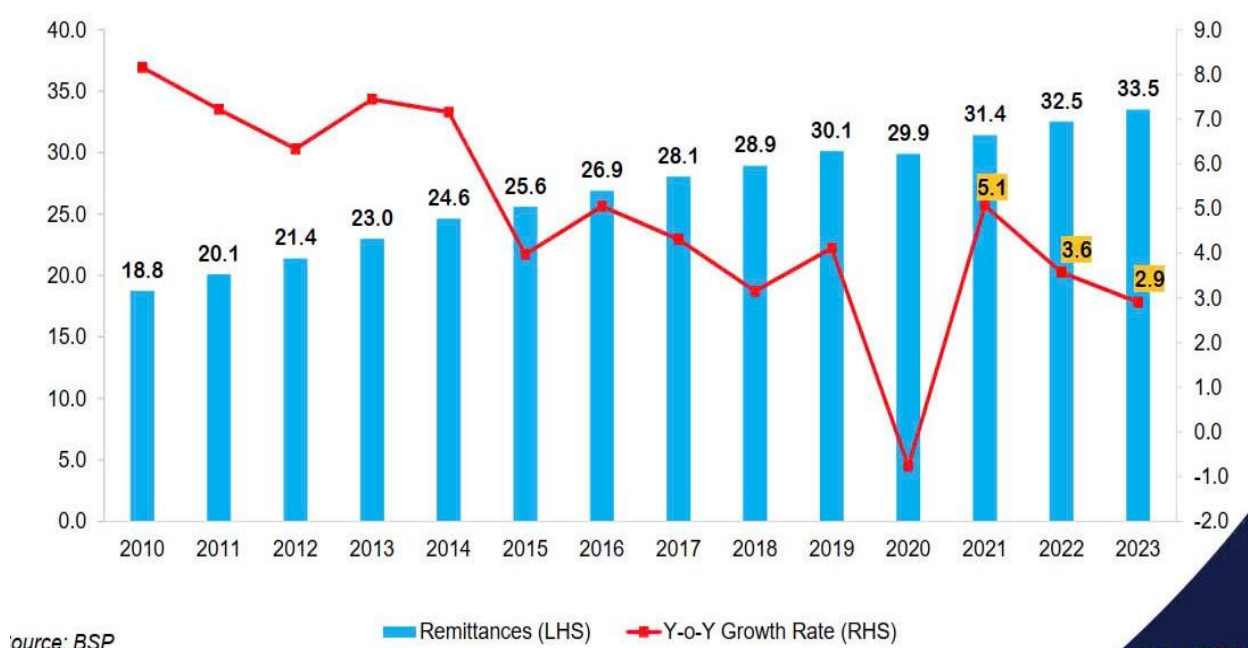
Các sản phẩm nông nghiệp, đặc biệt là gạo, luôn chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Philippines. Tại thị trường Philippines, gạo của Việt Nam đã tạo được vị trí vững trắc, vừa là sản phẩm truyền thống và đồng thời rất quan trọng trong hiện tại và tương lai, là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam vào thị trường Philippines. Tuy nhiên, với nhu cầu nhập khẩu ngày càng tăng của Philippines thì gạo của Việt Nam vẫn còn dư địa xuất khẩu.

Bên cạnh mặt hàng gạo, Philippines còn là thị trường có tiềm năng và dư địa xuất khẩu cho nhiều mặt hàng nông sản của Việt Nam, đặc biệt là các loại nông sản tươi sống. Có nhiều mặt hàng, ngành hàng ưu tiên mà phía bạn rất cần và ta có khả năng đáp ứng nhưng chưa được khai thông [Hoa quả tươi (hoa quả sấy, đóng gói vẫn đang xuất khẩu bình thường); Giống cây trồng; Con giống]. Các sản phẩm công nghiệp nhẹ, phân bón, hóa chất, các loại dụng cụ, máy móc, chế tạo, sản phẩm điện, điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng, các sản phẩm công nghiệp nặng, vật liệu xây dựng... cho thị trường Philippines cũng còn nhiều dư địa và tiềm năng khai thác.

Philippines còn là thị trường với đặc điểm đặc thù là lượng ngoại hối do người đi lao động hàng năm ở nước ngoài gửi về rất lớn, tăng đều theo thời gian. Vì vậy, xu hướng tiêu dùng và nhu cầu về hàng hóa dịch vụ cao.

Ngoại hối do người lao động Philippines ở nước ngoài gửi về trong giai đoạn 2010 - 2023

Overseas Filipinos' cash remittances in levels (USD bn) and growth rates (in percent)



3.2. Thực trạng, những thuận lợi và những khó khăn thách thức đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Philippines

3.2.1. Thực trạng và những khó khăn thách thức

Thị trường Philippines cũng là thị trường có nhiều thách thức và rủi ro đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam phải có sự kiên trì và có chính sách quảng bá, marketing và xâm nhập thị trường một cách phù hợp và hiệu quả.

Thứ nhất, phải kể đến chính là “tiềm thức” mang tính ý thức hệ của người dân Philippines, người tiêu dùng Philippines đối với các sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam. Người dân Philippines vẫn đánh giá cao và ưa chuộng các sản phẩm hàng hóa nhập khẩu từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, châu Âu... và còn nhiều “băn khoăn” chưa thật sự tin tưởng, thậm chí vẫn còn có những nhìn nhận, đánh giá chưa đúng, không cao về ngành sản xuất cũng như mẫu mã, chất lượng của các sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam, cũng như tiềm năng, uy tín của doanh nghiệp Việt Nam.

Thứ hai, các sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Philippines phải cạnh tranh khốc liệt với các sản phẩm của Trung Quốc và các nước trong khu vực Asean, đặc biệt là Indonesia và Thái Lan. Thông qua cộng đồng

thương nhân người Hoa lớn mạnh tại Philippines, nguồn sản phẩm hàng hóa giá rẻ được kiểm soát đảm bảo chất lượng của Trung Quốc đã xâm nhập khá sâu vào thị trường này và là nguy cơ cho các loại sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu từ các quốc gia khác trong đó có các sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam. Ngoài ra, tại thị trường Philippines, các sản phẩm hàng hóa của Việt Nam còn phải cạnh tranh với các sản phẩm, hàng hóa từ các quốc gia khác trong khối Asean cùng được hưởng những ưu đãi và có điều kiện thuận lợi như Việt Nam, đặc biệt là Indonesia và Thái Lan, hai nước cũng đã xây dựng được mối quan hệ thương mại bền chặt và có nhiều mặt hàng xuất khẩu sang Philippines.

Thứ ba, là sự “bất ổn” trong các chính sách xuất nhập khẩu và xu hướng mở cửa thị trường của Philippines. Những quy định về trình tự, thủ tục còn rườm rà mang tính “kiểm soát” liên quan tới xuất nhập khẩu hàng hóa là bước cản không hề nhỏ có thể làm nản lòng các doanh nghiệp xuất nhập khẩu của hai nước. Ngoài ra, việc Philippines chưa sẵn sàng “mở cửa” thị trường cho một số sản phẩm, hàng hóa của Việt Nam, đặc biệt như hoa tươi, rau, củ, quả tươi, thịt tươi sống... cũng như các quy trình, thủ tục xuất nhập khẩu phức tạp liên quan tới nhóm mặt hàng này cũng là những cản trở đáng kể cho các doanh nghiệp Việt Nam khi xâm nhập thị trường Philippines.

Thứ tư, thực trạng cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Philippines cho thấy sự mất cân đối giữa nhiều ngành hàng, mặt hàng, trong đó các mặt hàng nông sản chiếm ưu thế, trong khi các mặt hàng, ngành hàng khác còn khiêm tốn. Một phần nguyên nhân có thể do cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam chưa quan tâm nhiều tới thị trường Philippines. Và ở chiều ngược lại, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam chưa tạo dựng được lòng tin, uy tín tại thị trường Philippines.

Thứ năm, khoảng cách trong kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu giữa hai bên cho thấy chưa tạo được quan hệ giao thương “có đi có lại” (mutual benefits) giữa hai bên nên có thể tạo tâm lý “tự phản kháng hay bảo hộ”.

Thứ sáu, Philippines nhận thức được sự phụ thuộc vào gạo nhập khẩu từ Việt Nam nên chủ động tìm kiếm mở rộng đối tác, bạn hàng, đa dạng nguồn cung nhằm tránh quá phụ thuộc vào Việt Nam (như bằng cách giảm thuế nhập khẩu cho gạo từ các nước ngoài Asean về mức 35% như các nước trong Asean đến hết năm 2022),

Thứ bảy, Philippines đã và đang tiếp tục sử dụng nhiều biện pháp, rào cản kỹ thuật để ngăn cản, hạn chế xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Philippines, đặc biệt là mặt hàng gạo (như quy định về Giấy chứng nhận thông quan nhập khẩu cấp cho nhà nhập khẩu có giá trị 60 ngày và điều chỉnh lượng nhập khẩu theo mùa vụ).

Thứ tám, Philippines đã và đang tiếp tục sử dụng công cụ pháp luật phòng vệ thương mại, tiến hành các cuộc điều tra các vụ việc phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu trong đó có hàng hóa của Việt Nam (Philippines đã điều tra 13 vụ việc phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, bao gồm

01 vụ việc áp thuế chống bán phá giá và 12 vụ việc áp thuế tự vệ như các vụ việc gạch ốp lát, xi măng, sắt thép, ô tô...). Một số mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Philippines cũng đang vấp phải các rào cản mang tính kỹ thuật như việc Philippines điều tra áp dụng thuế phòng vệ thương mại (thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp, thuế tự vệ) đối với một số sản phẩm, hàng hóa có xuất xứ từ Việt Nam cũng là một rào cản và thách thức không nhỏ cho hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Philippines.

Thứ chín, trong thời gian vừa qua, Philippines đã có những động thái, biểu hiện điều chỉnh các chính sách ổn định, phát triển kinh tế, chính sách xuất nhập khẩu hàng hóa thời kỳ hậu Covid-19. Đồng thời, Philippines có sự thay đổi trong chính trường, điều có thể dẫn tới những điều chỉnh, thay đổi trong chính sách phát triển kinh tế, chính sách xuất nhập khẩu hàng hóa của Philippines.

Thứ mười, nhiều mặt hàng nông sản tươi sống phía Philippines cần và Việt Nam có khả năng đáp ứng nhưng chưa có hành lang pháp lý, chưa được khơi thông cho doanh nghiệp hai phía, đòi hỏi phải xúc tiến, hợp tác đánh giá rủi ro nhập khẩu (IRA – import risk analysis) cho các sản phẩm nông sản tươi sống giữa cơ quan quản lý nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp) hai bên. Chỉ khi thực hiện được điều này và xây dựng được cơ chế hợp tác thì mới có thể khơi nguồn cho các sản phẩm nông sản tươi sống của Việt Nam thâm nhập thị trường Philippines.

3.2.2. Những thuận lợi

Thứ nhất, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Philippines hàng năm ở mức từ trên 5 tỷ đến 6 tỷ USD chỉ chiếm một tỉ lệ khiêm tốn trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Philippines. Các mặt hàng nhập khẩu chính của Philippine gồm các sản phẩm điện tử, điện thoại, khoáng sản, phương tiện giao thông, dụng cụ cơ khí, công nghiệp, sắt thép các loại... cũng là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Vì vậy, chúng ta vẫn còn nhiều cơ hội khai thác và gia tăng kim ngạch xuất khẩu những ngành hàng, mặt hàng này vào thị trường Philippines.

Thứ hai, các sản phẩm nông sản của Việt Nam tiếp tục chiếm ưu thế và được ưa chuộng tại thị trường Philippines. Gạo của Việt Nam sẽ tiếp tục chiếm vị trí số 1 tại thị trường Philippines và khó có sản phẩm hay nguồn cung thay thế.

Thứ ba, dư địa và nhu cầu của thị trường Philippines đối với nhiều loại sản phẩm của Việt Nam còn khá lớn, thị trường có nhiều tiềm năng.

Thứ tư, nhiều biện pháp, hàng rào kỹ thuật hay công cụ pháp lý mà Philippines sử dụng đã được hai bên phối hợp và tháo gỡ.

Thứ năm, các hiệp định thương mại song phương và đa phương hai bên tham gia đã có hiệu lực và mới bắt đầu có hiệu lực tạo cơ sở thuận lợi để hai bên tiếp tục đẩy mạnh quan hệ thương mại song phương.

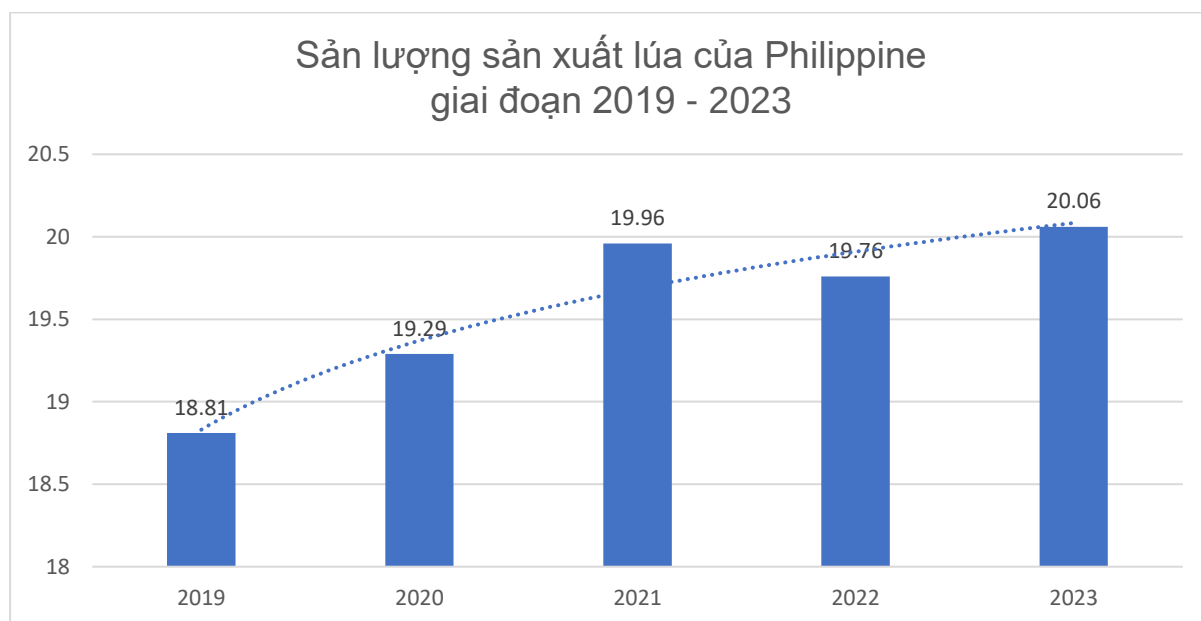
Thứ sáu, vị trí địa lý, uy tín, quan hệ ngoại giao ổn định giữa hai nước và quan hệ bạn hàng lâu năm giữa hai bên.

Thứ bảy, Chính phủ Philippines thể hiện quan tâm và giành nhiều ưu tiên cho lĩnh vực nông nghiệp vừa là thách thức nhưng cũng là cơ hội cho Việt Nam. Những quyết sách trực tiếp và nhanh chóng của Chính phủ Philippines có thể giúp cho nhiều ngành hàng Việt Nam. Ví dụ, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, ngày 11 tháng 8 năm 2022, Bộ Ngoại giao Philippines có công thư đề nghị mua phân bón của Việt Nam theo hình thức đàm phán trực tiếp chính phủ (government-to-government) GTG đối với sản phẩm phân urea (46-0-0), khối lượng đề xuất 150.000 tấn, thời gian dự kiến bắt đầu trong tháng 9 năm 2022, phương thức giao nhận CIF cảng Manila và 100% bảo lãnh thanh toán.

3.3. Tiềm năng xuất khẩu của một số nhóm hàng xuất khẩu quan trọng của Việt Nam sang thị trường Philippines

3.3.1. Tiềm năng và dư địa đối với mặt hàng gạo

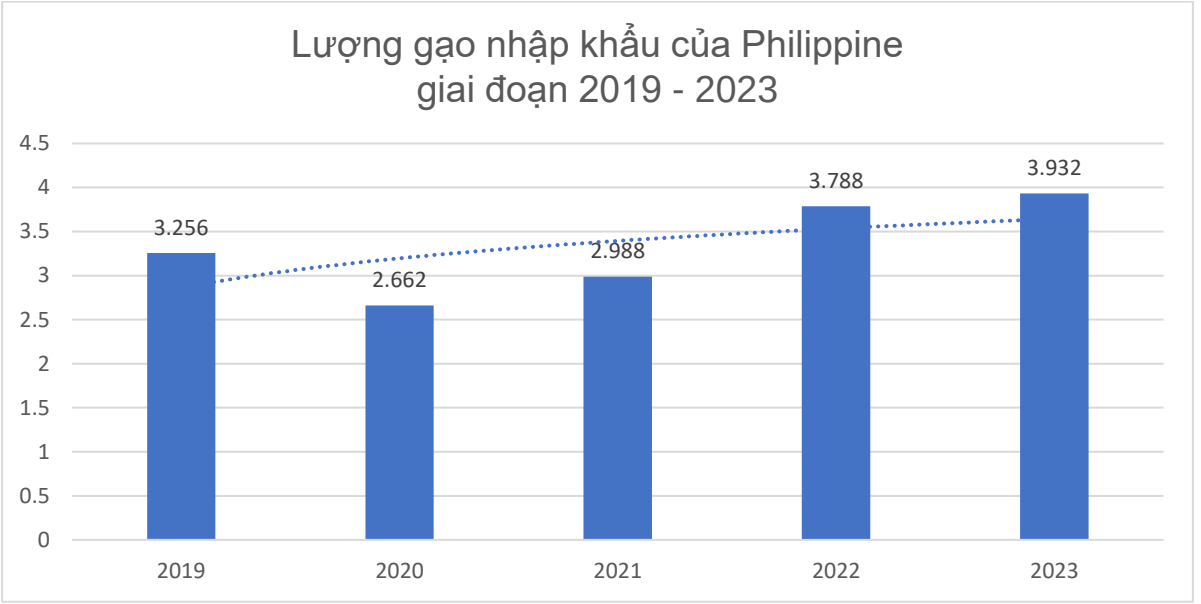
Philippines là quốc gia sản xuất nông nghiệp trong đó có sản xuất lúa gạo, tuy nhiên, trong nhiều năm qua sản xuất lúa gạo trong nước luôn không đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ. Hàng năm, tùy thuộc vào các điều kiện canh tác và thời tiết, sản xuất nội địa trong những năm gần đây của Philippines đạt khoảng từ 19 đến 20 triệu tấn thóc, tương đương khoảng trên 12 triệu đến 13 triệu tấn gạo.



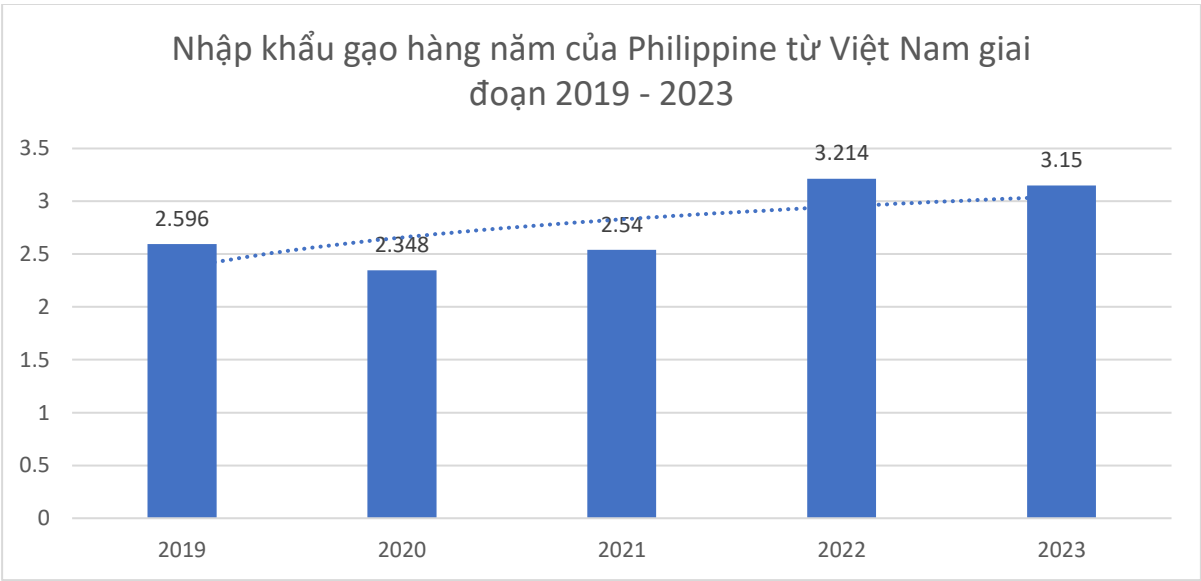
Cụ thể, theo số liệu thống kê của Bộ Nông nghiệp Philippine, sản xuất lúa nội địa của Philippine năm 2022 đạt khoảng 19,75 triệu tấn, tương đương khoảng 12,74 triệu tấn gạo. Năm 2023, lần đầu tiên sản xuất lúa nội địa của Philippine vượt con số 20 triệu tấn (cụ thể 20,06 triệu tấn), tăng 1,5% so với năm 2022 và vượt qua mức đỉnh đạt được năm 2021 (là 19,96 triệu tấn).

Nhu cầu tiêu thụ gạo trong nước của Philippine hàng năm từ khoảng 14,5 triệu đến 15 triệu tấn. Đồng thời, nhu cầu dự trữ tối thiểu đủ lương thực cho 30 ngày để đảm bảo an ninh lương thực trong nước khoảng từ 1 đến 1,5 triệu tấn. Vì vậy, tổng nhu cầu gạo hàng năm của Philippine khoảng từ 15,5 đến 16,5 triệu tấn. Do sản xuất

trong nước không đáp ứng đủ nhu cầu nên hàng năm Philippine cần nhập khoảng 3 triệu đến 4 triệu tấn gạo. Trong đó, nhập khẩu từ Việt Nam chiếm khoảng 85%, từ Thái Lan khoảng 10%, phần còn lại được nhập khẩu từ Ấn Độ, Băng-la-đét, Nhật Bản và quốc gia khác.



Philippine là thị trường truyền thống quan trọng đối với xuất khẩu gạo của Việt Nam. Giai đoạn năm 2021–2023 lượng gạo và kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam vào thị trường Philippine luôn chiếm trên 40% đến gần 45% về lượng và kim ngạch trong tổng lượng và tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam trên toàn thế giới. Kể từ năm 2022, gạo của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Philippine hàng năm đạt trên 3 triệu tấn, cụ thể, năm 2022 là 3,214 triệu tấn, năm 2023 là 3,150 triệu tấn.



Tình hình thị trường, sản xuất lúa gạo và nhu cầu tiêu thụ, dự báo nhập khẩu gạo của Philippine trong năm 2024

Đầu năm 2024, theo ước tính của Bộ Nông nghiệp, sản lượng lúa nội địa của Philippine cả năm sẽ đạt khoảng 20,44 triệu tấn. Tuy nhiên, căn cứ diễn biến thực tế của tình hình thời tiết và mùa vụ, đến tháng 8 năm 2024, Bộ Nông nghiệp dự tính sản lượng lúa nội địa cả năm chỉ đạt khoảng 20,10 triệu tấn. Thực tế, sản lượng sản xuất lúa nội địa của Philippine trong nửa đầu năm 2024 đạt mức 8,53 triệu tấn, giảm 5,5% so với mức 9,05 triệu tấn của cùng kỳ năm 2023. Cũng theo dự báo của Bộ Nông nghiệp, tiêu thụ gạo nội địa của Philippine năm 2024 vào khoảng 17,3 triệu tấn, tăng 4% so với 16,6 triệu tấn năm 2024. Vì vậy, nhập khẩu gạo của Philippine trong năm 2024 dự báo khoảng từ 4 triệu đến 4,35 triệu tấn. Và lượng gạo nhập khẩu từ Việt Nam sẽ vào khoảng từ 3,15 đến khoảng 3,35 triệu tấn.

3.3.2. Nhóm các mặt hàng khác

Philippines là thị trường tiềm năng cho nhiều mặt hàng, ngành hàng xuất khẩu của Việt Nam nhưng còn chưa được khai thác hiệu quả. Một mặt là bởi cộng đồng doanh nghiệp hai nước còn chưa đánh giá đúng tiềm năng thị trường và sản phẩm hàng hóa của hai bên, mặt khác còn bởi những khó khăn trong các thủ tục xuất nhập khẩu hoặc cam kết mở cửa thị trường cho các sản phẩm của hai nước, đặc biệt là các sản phẩm nông nghiệp như hoa, rau, củ, quả tươi.

Bên cạnh mặt hàng gạo, nhiều mặt hàng nông sản khác cũng có nhiều tiềm năng như cà phê, hạt điều. Ngoài ra, các mặt hàng, ngành hàng khác như thủy sản; điện thoại và linh kiện điện tử; dệt may; máy móc, thiết bị, phụ tùng; giày dép; phương tiện vận tải; xi măng; hóa chất và sản phẩm từ hóa chất vẫn sẽ có nhiều triển vọng tại thị trường Philippines. Đặc biệt, việc Tập đoàn Vingroup chọn Philippines là một trong những thị trường trọng điểm để khai thác các sản phẩm, dịch vụ của mình và đã có những bước tiến nhất định trong việc khai phá thị trường Philippines hy vọng sẽ mở ra triển vọng mới trong quan hệ giao thương Việt Nam và Philippines. Ngoài ra, từ sự kết nối của Thương vụ Việt Nam tại Philippines, một số sản phẩm mang tính đặc thù mà trước đây rất khó khăn để tiếp cận thị trường Philippines thì nay cũng đã bắt đầu cho thấy các dấu hiệu tích cực như các sản phẩm liên quan tới bảo hộ lao động, y tế, dược phẩm, thuốc thú y và vaccine.

3.4. Định hướng và giải pháp khai thác thị trường Philippines

Định hướng khai thác thị trường Philippines trong thời gian tới: (i) Tiếp tục xúc tiến, đẩy mạnh xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa sang thị trường Philippines có cân đối với nhập khẩu, tiếp tục chú trọng xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp trong đó có gạo là thế mạnh, tiếp tục khai thác mở rộng tăng kim ngạch xuất khẩu gạo, duy trì vị thế số 1 của gạo Việt Nam tại thị trường Philippines, tăng kim ngạch và tỉ trọng xuất khẩu các ngành hàng, mặt hàng khác mà Việt Nam có thế mạnh; (ii) Có các giải pháp khắc phục khó khăn, đối phó với những bất ổn, tận dụng cũng như tranh thủ tốt các lợi thế, thuận lợi sẵn có.

Trên cơ sở đó, mục tiêu đặt ra đối với thị trường Philippines, một là, tiếp tục củng cố, duy trì và giữ vững vị thế số 1 về xuất khẩu gạo của Việt Nam tại thị trường Philippines. Tại thị trường Philippines, gạo của Việt Nam có lợi thế phẩm cấp, chất lượng phù hợp, giá phải chăng nên có tính cạnh tranh, phù hợp thị hiếu và có thể đáp ứng với nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng, đặc biệt là tầng lớp dân cư đông đảo có thu nhập trung bình và thấp; nguồn cung ổn định, khoảng cách địa lý, chi phí và thuận tiện trong chuyên chở, có niềm tin và mối quan hệ bạn hàng lâu năm.

Hai là, mở rộng cơ cấu mặt hàng và gia tăng kim ngạch, giá trị xuất khẩu. Với thị trường có nhiều tiềm năng như Philippines nhưng cơ cấu sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam còn chưa cân xứng. Số lượng các mặt hàng/ngành hàng xuất khẩu còn hạn chế, chỉ khoảng gần 40 mặt hàng/ngành hàng, trong khi còn rất nhiều các mặt hàng/ngành hàng có tiềm năng khai thác tại thị trường Philippines. Ngoài ra, trong cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Philippines tỉ trọng mặt hàng nông sản lớn trong khi các ngành hàng khác manh mún, nhỏ lẻ, sản phẩm ít đa dạng. Chưa có sản phẩm, mặt hàng nông sản tươi sống (hoa quả, thịt) nào vào được thị trường Philippines mặc dù nhu cầu tiêu dùng rất lớn. Vì vậy, hướng tới mục tiêu mở rộng cơ cấu mặt hàng xuất khẩu, gia tăng kim ngạch, giá trị xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam vào thị trường Philippines.

Ba là, đẩy mạnh hoạt động quảng bá, tăng cường nhận thức của doanh nghiệp trong nước về tiềm năng thị trường Philippines. Philippines là thị trường nhiều tiềm năng, tuy nhiên, trong thời gian qua các doanh nghiệp Việt Nam còn ít quan tâm tới thị trường này, chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ. Vì vậy, cần đẩy mạnh hoạt động quảng bá, tăng cường nhận thức của doanh nghiệp Việt Nam về tiềm năng thị trường, qua đó thúc đẩy xuất khẩu vào thị trường Philippines.

Trên cơ sở đó, kiến nghị Chính phủ, Bộ Công Thương, các bộ ngành có liên quan tiếp tục nghiên cứu để ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho doanh nghiệp xuất khẩu vào thị trường Philippines, tập trung ngành hàng nông sản có thể mạnh. Tiếp tục đẩy mạnh mở rộng xuất khẩu gạo vào thị trường Philippines khi đã có chỗ đứng, sức cạnh tranh và vẫn còn dư địa. Chính phủ, Bộ Công Thương, các bộ ngành có liên quan có chủ trương, xây dựng đề án và nguồn kinh phí thực hiện hàng năm “Lễ hội gạo” tại Philippines nhằm tăng cường quảng bá, sự nhận diện thương hiệu gạo Việt Nam tại Philippines, làm tiền đề lan tỏa sang các thị trường khác. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến, phối hợp với Bộ Nông nghiệp của Philippines thực hiện IRA cho các mặt hàng nông sản tươi sống tạo hành lang pháp lý, khơi nguồn cho các sản phẩm nông sản tươi sống thâm nhập và tạo chỗ đứng tại thị trường Philippines. Bộ Công Thương và các doanh nghiệp xuất khẩu thường xuyên cập nhật chính sách pháp luật của nước sở tại, chủ động nghiên cứu để có thể đối phó, thích ứng với các biện pháp, hàng rào kỹ thuật hay việc chủ đích sử dụng các công cụ pháp lý (phòng vệ thương mại) của nước sở tại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Social release - Highlights of the 2023 annual international merchandise trade statistics of the Philippines – Philippine Statistics Authority.
2. BDO – Philippine Perspectives – BDO Corporate Planning Research.
3. IMF working paper – WP/11/288 – The determinants of Economic growth in the Philippines: A new look.
4. Department of Economics, School of Government, Ateneo de Manila University – Review of the Philippine economic situation and analysis of the State of the Nation 2021
5. ADB economics working paper – Transforming the Philippine economy “Walking on Two legs”.
6. Journal of Economics, Finance and Accounting Studies – An analysis of the Economic growth Indicators of the Philippines: 1990-2020.
7. <https://www.dti.gov.ph/>
8. <https://www.da.gov.ph/>
9. <https://psa.gov.ph/statistics/export-import/annual>
10. <https://president.gov.ph/>